

VĨ MÔ VÀ CHIẾN LƯỢC

Bước ngoặt lớn trong năm 2024

Công ty cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Đông Thanh Tuấn

tuan.dt@miraeasset.com.vn

NỘI DUNG

[Tóm tắt]

- | | |
|---|-----------|
| ① Bối cảnh toàn cầu | 5 |
| Quyết định cắt lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ Bầu cử Tổng thống tại Mỹ và các tác động tiềm tàng Ngân hàng Trung ương Châu Âu tiếp tục hạ lãi suất trong bối cảnh tăng trưởng trì trệ Mục tiêu tăng trưởng GDP của Trung Quốc trong năm 2024 | |
| ② Thị trường tiền tệ | 14 |
| Tỷ giá USD/VND Lãi suất liên ngân hàng Trái phiếu Chính phủ | |
| ③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp | 16 |
| Hoạt động phát hành Hoạt động mua lại trước hạn Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp | |
| ④ Thị trường chứng khoán Việt Nam | 23 |
| Diễn biến giao dịch Thống kê theo ngành Định giá Phân loại giá trị giao dịch theo các nhóm nhà đầu tư Dư nợ giao dịch ký quỹ và thanh khoản Triển vọng tháng 11 | |



[Tóm tắt]

Bối cảnh toàn cầu:

- **Hoa Kỳ:** GDP của Mỹ tăng trưởng mạnh mẽ trong quý 3, đồng thời củng cố triển vọng hạ cánh mềm. Trong khi đó, quyết định hạ lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) nhưng đồng thời duy trì trạng thái thắt chặt định lượng (QT) khiến triển vọng hạ lãi suất có phần khó dự đoán trong bối cảnh dữ liệu kinh tế liên tục vượt kỳ vọng, góp phần tạo ra làn sóng bán tháo đối với trái phiếu khi nhà đầu tư chuẩn bị cho môi trường lãi suất cao trong dài hạn.
- **Khu vực đồng Euro:** Nền kinh tế lớn nhất khu vực đồng Euro, Đức, tiếp tục gặp khó khăn trong việc xác định các động lực tăng trưởng mới trong khi đối mặt với rủi ro về một cuộc suy thoái kỹ thuật.
- **Trung Quốc:** Triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng sẽ đạt được mục tiêu 5% đối với năm 2024 khi các chính sách kích cầu thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa dần thâm thấu vào nền kinh tế. Tuy nhiên, thách thức đối với Trung Quốc sẽ là triển vọng của năm 2025 khi các động lực tăng trưởng và mức độ hiệu quả của chính sách kích cầu vẫn còn là một ẩn số.

Thị trường tiền tệ:

- **Tỷ giá tăng đột ngột vào tháng 10, với mức mất giá từ đầu năm đến nay đạt 4,2%;** trong bối cảnh đồng pha với diễn biến của chỉ số DXY trong thời gian gần đây và những biến động bất thường của lợi suất trái phiếu Mỹ khi các dữ liệu kinh tế tại Mỹ liên tục tốt hơn kỳ vọng. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã triển khai chiến lược đa chiều: phát hành 90,5 nghìn tỷ đồng tín phiếu thông qua Hoạt động thị trường mở (OMO), điều tiết thanh khoản thông qua 53 nghìn tỷ đồng của hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP), và can thiệp bằng cách bán USD thông qua hợp đồng giao ngay ở với giá can thiệp tại 25.450. Dù vậy, áp lực về tỷ giá vẫn đang hiện hữu do nguồn dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã mỏng đi đáng kể sau khi can thiệp tỷ giá trong giai đoạn tháng 4 – tháng 7 trước đó và hiện duy trì ở mức 2,4 tháng nhập khẩu.

Trái phiếu doanh nghiệp:

- **Phát hành mới:** Tháng 10 ghi nhận 20 đợt phát hành riêng lẻ với tổng giá trị 22 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ so với 24 nghìn tỷ đồng trong tháng 9. Các ngân hàng thương mại và các tập đoàn như Vinfast và Vietjet Air là những đơn vị phát hành chính.
- **Mua lại trước hạn:** HNX báo cáo 64 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn trong tháng 10, với tổng giá trị 21,5 nghìn tỷ đồng. Các ngân hàng thương mại tiếp tục dẫn đầu xu hướng này, với VIB, LPB và OCB nằm trong số những đơn vị có giá trị mua lại trước hạn lớn nhất.
- **Lịch đáo hạn:** Tháng 11 năm 2024 dự kiến có 30 trái phiếu đáo hạn, trị giá 11,1 nghìn tỷ đồng, chủ yếu từ các lĩnh vực bất động sản (7,65 nghìn tỷ đồng), sản xuất (1,7 nghìn tỷ đồng) và ngân hàng (700 tỷ đồng). Khoảng 5,3 nghìn tỷ đồng có thể phải đối mặt với việc trì hoãn thanh toán hoặc cần tái cơ cấu, chủ yếu từ các công ty bất động sản có hiệu suất kém và đòn bẩy cao.

[Tóm tắt]

Thị trường chứng khoán tại Việt Nam:

1) Tổng quan thị trường trong tháng 10:

- VN-Index giảm 1,82% MoM trong tháng 10, chấm dứt đà tăng kéo dài ba tháng trong bối cảnh các yếu tố khó lường xoay quanh lộ trình hạ lãi suất của Fed và kết quả tranh cử Tổng thống Mỹ đã khiến nhà đầu tư có phần thận trọng hơn trước các quyết định giải ngân. Dù vậy, nhịp điều chỉnh của tháng 10 có phần phù hợp với diễn biến chung trong khu vực; đồng thời đóng vai trò như một giai đoạn hạ nhiệt cần thiết cho thị trường và được xem như một phản ứng mang tính chu kỳ thường xảy ra vào đầu mỗi quý khi các nhà đầu tư chuẩn bị trước mùa báo cáo kết quả kinh doanh. Trong đó, tổng lợi nhuận quý 3 của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE đã vượt dự báo ban đầu của chúng tôi, với tổng lợi nhuận sau thuế đạt 106 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 27,8% YoY. Các động lực tăng trưởng chính bao gồm sự phục hồi trong các ngành Bán lẻ, Tiện ích, Bất động sản, và xu hướng tăng trưởng lợi nhuận bền vững đến từ ngành Công nghệ thông tin.

2) Hoạt động giao dịch trong tháng 10:

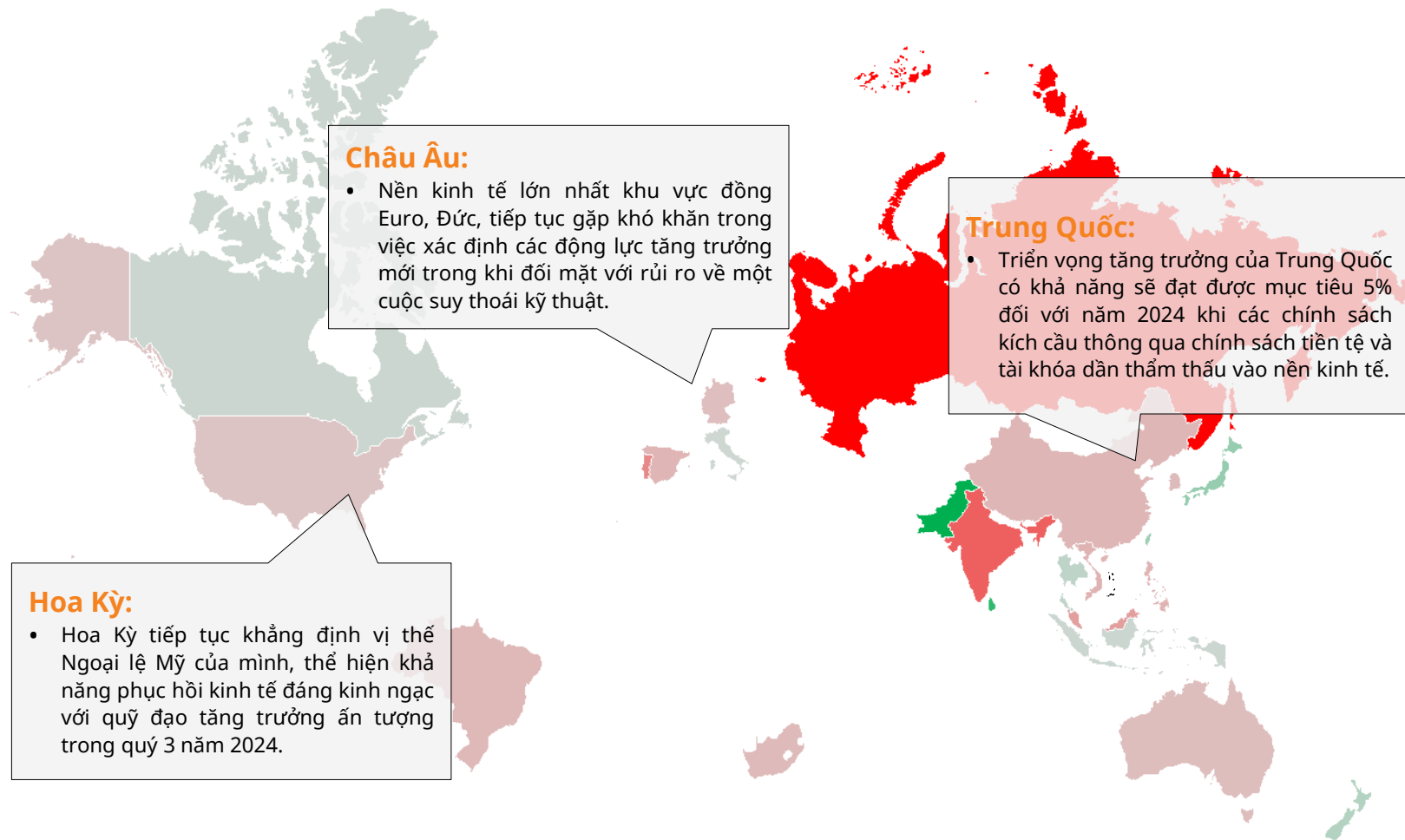
- Thanh khoản tiếp tục ảm đạm trong tháng thứ tư liên tiếp, với giá trị giao dịch bình quân hàng ngày đạt 14 nghìn tỷ đồng (+3,2% MoM). Một diễn biến đáng chú ý là việc Commonwealth Bank of Australia bán thỏa thuận một lượng lớn cổ phiếu VIB trị giá 5,4 nghìn tỷ đồng, sau quyết định giảm giới hạn sở hữu nước ngoài của VIB. Nhà đầu tư nước ngoài ghi nhận bán ròng 4,43 nghìn tỷ đồng nếu không bao gồm động thái thoái vốn của CBA. Các quỹ ETF tiếp tục rút ròng 6,6 triệu USD trong tháng 10; dù vậy, lượng rút ròng đã giảm đáng kể so với đầu quý 2.

3) Triển vọng trong tháng 11:

- Triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2025 đã trở nên rõ ràng hơn khi các yếu tố khó lường của tháng 10 xoay quanh lộ trình hạ lãi suất của Fed và kết quả tranh cử Tổng thống Mỹ đã hoàn toàn được phản ánh vào bối cảnh thị trường hiện tại.
- VN-Index được kỳ vọng sẽ giao dịch trong khoảng 1.250-1.300 điểm trong thời gian còn lại của năm, với khả năng đạt mức 1.300 điểm. Dưới nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Trump, bất động sản khu công nghiệp được dự đoán sẽ hưởng lợi từ chiến lược đa dạng hóa "Trung Quốc + 1", nhưng tác động đến dòng vốn FDI đối với thị trường Việt Nam dự kiến sẽ duy trì xu hướng ổn định trước đó.
- Các rủi ro chính cần theo dõi bao gồm lộ trình hạ lãi suất của Fed, áp lực tỷ giá tại Việt Nam, và đặc biệt là thị trường trái phiếu doanh nghiệp khi tổng dư nợ trái phiếu chậm trả đã đạt 189 nghìn tỷ đồng và áp lực từ các trái phiếu bị trì hoãn dự kiến sẽ trở lại sau khi thời hạn ân hạn kết thúc, tác động đến thị trường trái phiếu trong thời gian còn lại của 2024 và kéo dài đến năm 2025.

① Bối cảnh toàn cầu

| Quốc gia | Chỉ số | Giá đóng cửa | T10 |
|-------------|------------|--------------|--------|
| Việt Nam | VN-Index | 1.264,48 | -1,82% |
| Mỹ | S&P 500 | 5.705,45 | -0,99% |
| Canada | TSX | 24.156,87 | 0,65% |
| Nhật | Nikkei 225 | 39.081,25 | 3,06% |
| Trung Quốc | SHCOMP | 3.279,82 | -1,70% |
| Hồng Kông | Hang Seng | 20.317,33 | -3,86% |
| Đài Loan | TWSE | 22.820,43 | 2,68% |
| Hàn Quốc | KOSPI | 2.556,15 | -1,43% |
| Ấn Độ | SENSEX | 79.389,06 | -5,83% |
| Indonesia | JCI | 7.574,02 | 0,61% |
| Thái Lan | SET | 1.466,04 | 1,19% |
| Singapore | STI | 3.558,88 | -0,74% |
| Malaysia | FBMKLCI | 1.601,88 | -2,85% |
| Philippines | PSEi | 7.142,96 | -1,78% |
| Anh | FTSE 100 | 8.110,10 | -1,54% |
| Pháp | CAC 40 | 7.350,37 | -3,74% |
| Đức | DAX | 19.077,54 | -1,28% |
| Úc | ASX 200 | 8.160,03 | -1,33% |
| New Zealand | NZX 50 | 12.638,90 | 1,73% |



① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Mỹ

- **GDP quý 3 tại Mỹ tiếp tục tăng trưởng ấn tượng 2,8% QoQ dù có phần hạ nhiệt so với mức tăng 3% trong quý 2;** dù vậy tiếp tục củng cố niềm tin về viễn cảnh “hạ cánh mềm” tại Mỹ.
 - **CPI đã liên tục hạ nhiệt trong sáu tháng liên tiếp, ghi nhận mức tăng khiêm tốn 2,4% YoY vào tháng 9, giảm từ mức 2,5% của tháng 8. Đây là tỷ lệ lạm phát thấp nhất kể từ tháng 2 năm 2021.** Tuy nhiên, tâm lý thị trường có phần không quá lạc quan khi chỉ số CPI vượt nhẹ so với dự báo đồng thuận ở mức 2,3%.
 - Phân tích chi tiết cho thấy CPI nhà ở cho thuê đã giảm tốc so với tháng 8. Áp lực giảm phát đáng kể nhất đến từ xăng dầu (-15,3% so với cùng kỳ năm trước), dầu nhiên liệu (-22,4% YoY), và ô tô (-1,3% YoY đối với xe mới, -5,1% YoY đối với xe đã qua sử dụng).
 - Đáng chú ý, CPI cốt lõi bất ngờ tăng nhẹ từ 3,2% lên 3,3% YoY vào tháng 9, chủ yếu do sự gia tăng giá dịch vụ vận tải (+8,5% so với cùng kỳ năm trước).
 - **Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân PCE tiếp tục hạ nhiệt từ 2,3% về 2,1% YoY trong tháng 9.** Dù vậy, PCE cơ bản tiếp tục giữ nguyên tại 2,7% YoY.
 - **Tỷ lệ thất nghiệp giữ nguyên tại 4,1% trong tháng 10.**
 - **PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Mỹ bất ngờ cải thiện và đạt lần lượt 47,8 điểm (T9: 47,3) và 55,3 điểm (T9: 55,2).** Dù vậy, các hoạt động sản xuất tại Mỹ đã tiếp tục bị thu hẹp ở 4 tháng liên tiếp khi chịu sức ép từ sụt giảm số lượng đơn hàng mới cùng với hoạt động sản xuất nói chung và tình hình lao động cũng chịu ảnh hưởng bởi tác động của các sự kiện về thời tiết gây ra cho chuỗi cung ứng.
- **Số lượng vị trí tuyển dụng (JOLTS) đã giảm 418K xuống còn 7,443 triệu trong tháng 9/2024, từ mức 7,861 triệu được điều chỉnh giảm của tháng 8;** đây cũng là mức thấp nhất kể từ tháng 1/2021. Số lượng vị trí tuyển dụng sụt giảm trong lĩnh vực y tế và trợ giúp xã hội (-178K); chính quyền tiểu bang và địa phương, không bao gồm giáo dục (-79K); và chính phủ liên bang (-28K), nhưng tăng trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm (+85K).
 - **Báo cáo bảng lương phi nông nghiệp ghi nhận tạo thêm 12 nghìn việc làm trong tháng 10/2024,** thấp hơn đáng kể so với con số 223 nghìn việc làm đã được điều chỉnh giảm của tháng 9 và dự báo 113 nghìn việc làm. Đây là mức tăng trưởng việc làm thấp nhất kể từ tháng 12/2020, chủ yếu do tác động từ các cuộc đình công tại Boeing cũng như nhiều khả năng việc làm ở một số ngành cũng bị ảnh hưởng bởi các cơn bão. Tuy nhiên Cục Thống kê Lao động không thể lượng hóa chính xác mức độ tác động của các sự kiện này.
 - **Lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm tiếp tục tăng mạnh trong tuần qua, trở lại mức 4,3% (+48 bps) với áp lực bán đối với trái phiếu chính phủ đã kéo dài ở 6 tuần gần nhất.**
 - Có thể thấy, đây là một trường hợp ngoại lệ hiếm hoi trong lịch sử khi lợi suất trái phiếu đã liên tục tăng kể từ khi Fed đưa ra quyết định hạ lãi suất lên đến 50 điểm cơ bản vào ngày 18/09 vừa qua.
 - Qua đó, nhà đầu tư đang dần đánh giá lại lộ trình giảm lãi suất của Fed khi các chỉ số kinh tế đang trở nên tốt hơn so với giai đoạn tháng 8 và tháng 9 cũng như chuẩn bị cho môi trường lãi suất cao và kéo dài hơn dự kiến.

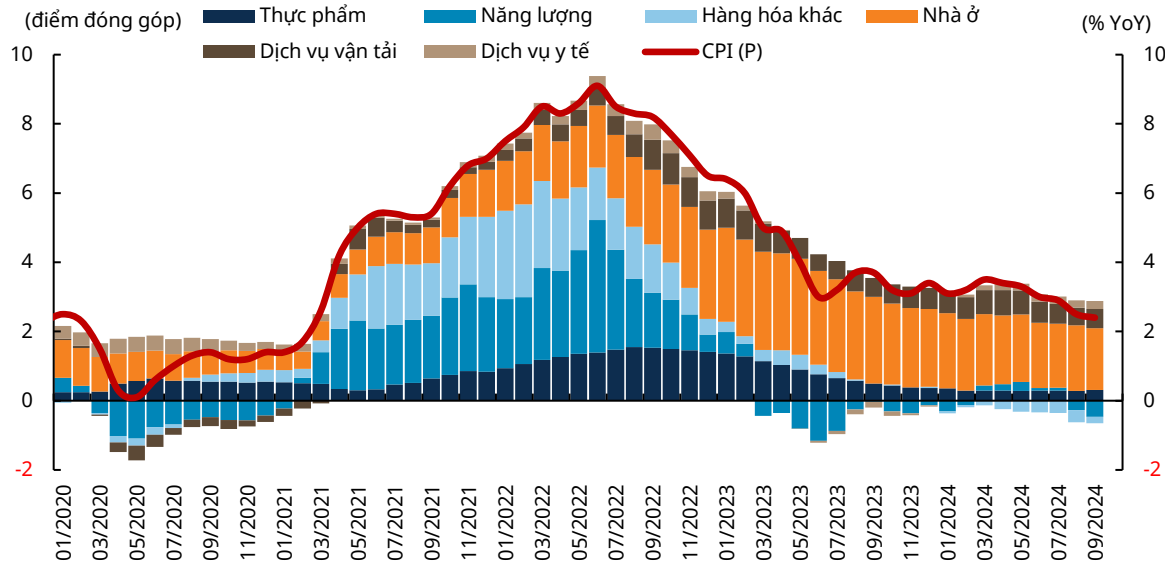
Đánh giá: Hoa Kỳ tiếp tục khẳng định vị thế American Exceptionalism của mình, thể hiện khả năng phục hồi kinh tế đáng kinh ngạc với quý 3 tăng trưởng ấn tượng trong quý 3 năm 2024. Đà tăng trưởng mạnh mẽ của GDP, cùng với tỷ lệ thất nghiệp dần ổn định, càng củng cố thêm triển vọng hạ cánh mềm cho nền kinh tế lớn nhất thế giới. Dù vậy, sự bất đối xứng trong việc thực thi chính sách ngày càng trở nên rõ ràng, đặc biệt là trong lĩnh vực chính sách tiền tệ. Cách tiếp cận của Cục Dự trữ Liên bang về việc có khả năng hạ lãi suất mà không đi kèm chương trình nới lỏng định lượng tương ứng đã đưa vào một yếu tố khó dự đoán cho triển vọng chính sách tiền tệ. Sự không chắc chắn này càng trở nên phức tạp hơn khi quỹ đạo cắt giảm lãi suất của Fed ngày càng khó dự báo do dữ liệu kinh tế liên tục vượt kỳ vọng. Những yếu tố này đã góp phần tạo ra sự dịch chuyển đáng kể theo hướng đi lên của đường cong lợi suất, một hiện tượng phản ánh sự điều chỉnh lại vị thế của các nhà đầu tư khi dự đoán một môi trường lãi suất cao kéo dài. Mặc dù điều này phù hợp với sự đồng thuận chung giữa các thành viên FOMC, như đã nêu trong dự báo kinh tế tháng 9 năm 2024 của họ—dự kiến lãi suất quỹ liên bang dài hạn ở mức 2,9%—điều này cũng cho thấy các tín hiệu bất thường đầu tiên so với diễn biến chung thường thấy trong các giai đoạn nới lỏng chính sách tiền tệ đã từng được quan sát trong giai đoạn từ 1960 đến nay.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Lạm phát dai dẳng và tỷ lệ thất nghiệp duy trì ổn định

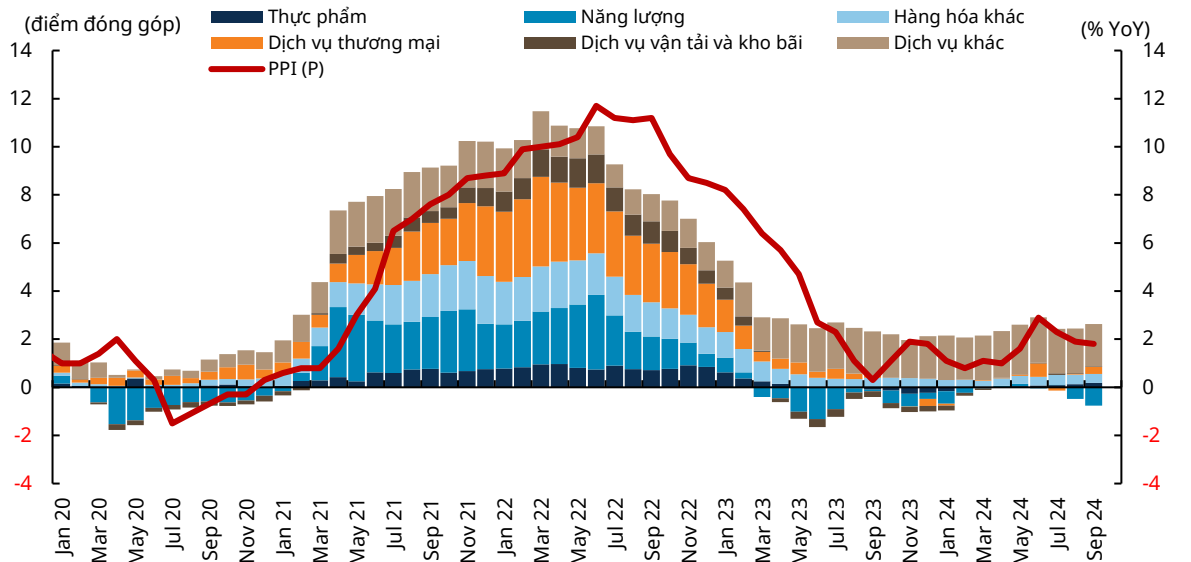
- Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) khởi động chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ bằng quyết định cắt giảm 50 điểm cơ bản đối với lãi suất quỹ liên bang (FFR) vào ngày 18/09 trong bối cảnh lạm phát đã hạ nhiệt và tỷ lệ thất nghiệp đã liên tục tăng ở những tháng trước đó. Sau đó, Fed đã tiến hành một đợt cắt giảm lãi suất khác với 25 điểm cơ bản thông qua cuộc họp tháng 11, hạ lãi suất chính sách xuống phạm vi 4,5% - 4,75%, phù hợp với kỳ vọng chung của thị trường. Chủ tịch Fed Jerome Powell cũng lưu ý rằng các chính sách đề xuất của Trump, bao gồm trục xuất nhập cư trái phép với quy mô lớn, thuế quan và cắt giảm thuế, sẽ không tác động ngay lập tức đến chính sách tiền tệ.
- Trên thực tế, chỉ số CPI đã liên tục hạ nhiệt ở 7 tháng gần nhất, từ mức đỉnh của năm 2024 tại 3,5% YoY về chỉ còn 2,4% YoY trong tháng 9; tuy vậy, chỉ số CPI cơ bản dù đã hạ nhiệt ít nhiều (từ 3,8% YoY về 3,3% trong cùng giai đoạn) nhưng nhìn chung vẫn phản ánh tính dai dẳng của giá hàng hóa nếu loại bỏ tính biến động của giá xăng dầu trong thời gian qua (CPI cơ bản duy trì quanh ngưỡng 3,2% - 3,3% ở 4 tháng gần nhất).
- Diễn biến tương tự đồng thời áp dụng đối với chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) rằng nếu loại bỏ giá xăng dầu khỏi chỉ số thì nhìn chung chỉ số PCE đã ổn định tại mức 2,5% ở 5 tháng gần nhất; cho thấy diễn biến hạ nhiệt của lạm phát trong giai đoạn tới sẽ còn nhiều thách thức trước khi tiến về mục tiêu bình ổn 2% trong bối cảnh giá dầu WTI đã ổn định và sẽ dần giảm tác động hạ nhiệt đối với lạm phát trong các tháng sắp tới trong bối cảnh các tín hiệu trái chiều đang áp đảo lẫn nhau giữa chiến tranh leo thang tại Trung Đông và sự suy yếu trong nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nói chung khi các hoạt động sản xuất tại các nền kinh tế lớn vẫn chưa hoàn toàn phục hồi về giai đoạn trước dịch COVID-19.
- Bên cạnh đó, tỷ lệ thất nghiệp sau khi liên tục gia tăng từ 3,5% vào T7/2023 lên 4,3% vào T7/2024 và đồng thời kích hoạt hai chỉ báo phát hiện suy thoái sớm là McKelvey Rule và Sahm Rule, thì nay đã dần ổn định tại 4,1% dù số liệu bảng lương phi nông nghiệp vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện đáng kể do chịu ảnh hưởng của các sự kiện bất thường như đình công tại Boeing và các đợt bão lớn trong tháng 10 khiến việc ước tính số lượng việc làm chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc bị gián đoạn trở nên khó khăn và thiếu chính xác.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

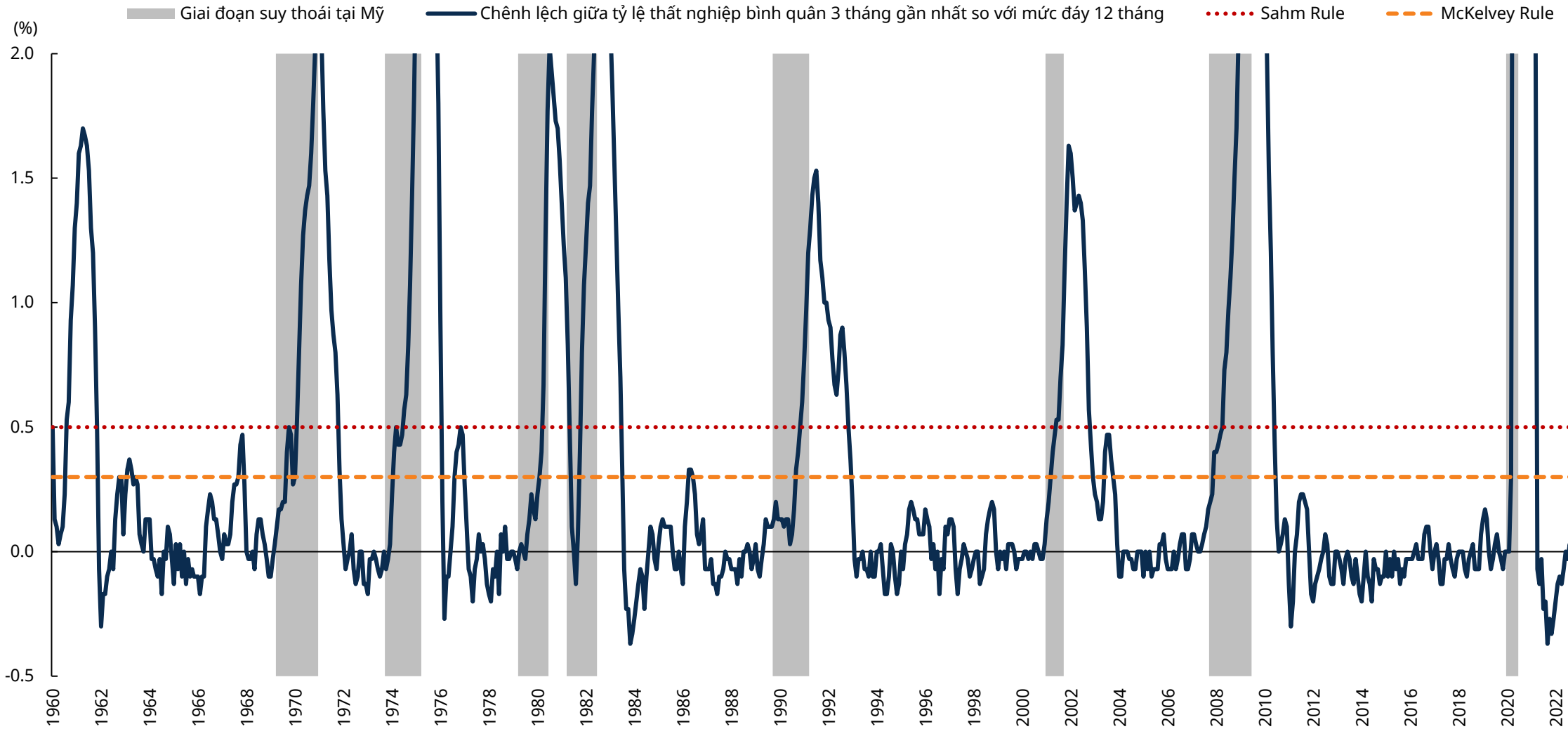
Chỉ số giá sản xuất (PPI)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Tỷ lệ thất nghiệp ổn định trong tháng 10 tại 4,1%, giảm nguy cơ xảy ra suy thoái đến từ thị trường lao động



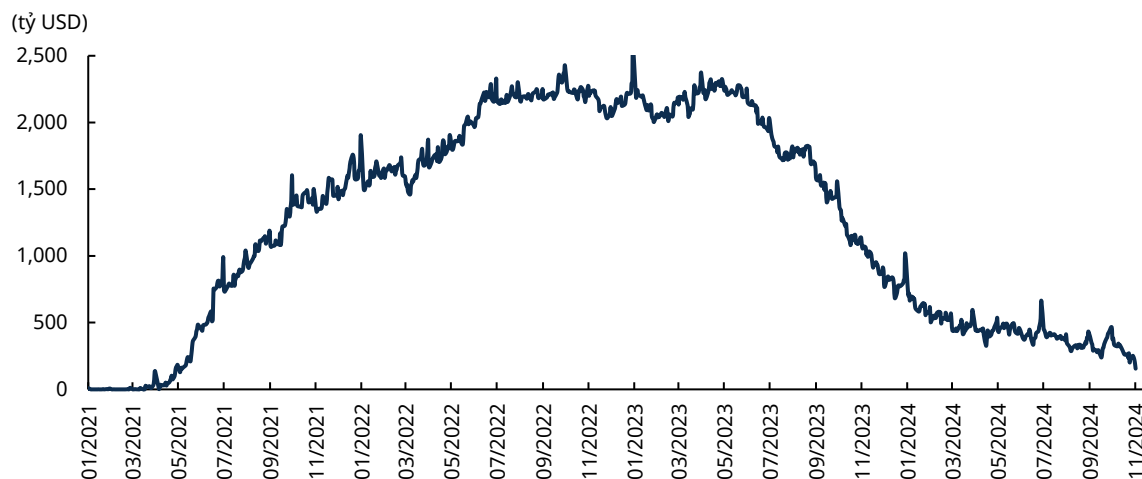
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, National Bureau of Economic Research (NBER), Federal Reserve Bank of St. Louis (FRED), cập nhật tới 01/11/2024. Vùng màu xám biểu thị giai đoạn suy thoái kinh tế tại Mỹ.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Lần này có lẽ sẽ khác...

- Kể từ năm 1969, Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đã thực hiện 137 đợt giảm lãi suất, trong đó 55 lần diễn ra trong các giai đoạn suy thoái. **Kết quả phân tích cho thấy, bất kể có suy thoái hay không, lợi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm thường giảm trong khoảng 200 ngày sau đợt hạ lãi suất đầu tiên. Hiện tượng này phản ánh kỳ vọng của nhà đầu tư về một môi trường lãi suất thấp hơn, dẫn đến sự dịch chuyển xuống dưới của đường cong lợi suất.** Tuy nhiên, trong các giai đoạn suy thoái, thường có sự gia tăng nhẹ về lợi suất trong 1-3 tháng đầu tiên, cho thấy sự không chắc chắn xung quanh quỹ đạo cắt giảm lãi suất.
- Tình hình hiện tại ở Mỹ đang cho thấy những diễn biến bất thường so với các chu kỳ nới lỏng trước đây. Lợi suất trái phiếu kỳ hạn 2 năm, 5 năm và 10 năm đều đang hướng tới mức cao nhất của năm 2024. Điều này phản ánh nhận định của các nhà giao dịch rằng Fed sẽ duy trì chính sách thắt chặt tiền tệ lâu hơn dự kiến, được củng cố bởi các chỉ số kinh tế vượt kỳ vọng.
- Đáng chú ý, **đợt cắt giảm lãi suất gần đây của Fed không đi kèm với chính sách nới lỏng định lượng (QE).** Thanh khoản dư thừa, được thể hiện qua lượng hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP) trị giá 155 tỷ USD, đang trong quá trình bình thường hóa thông qua chính sách thắt chặt định lượng (QT); đánh dấu sự sụt giảm đáng kể so với mức đỉnh hơn 2,5 nghìn tỷ USD vào tháng 12 năm 2022. Cơ chế RRP dự kiến sẽ kết thúc trong vòng 1-2 tháng tới, sau khi mức trần đảo hạn hàng tháng được giảm từ 60 tỷ USD xuống 25 tỷ USD vào tháng 6 năm 2024.
- **Một điểm đặc biệt khác của đợt cắt giảm lãi suất gần đây là nó diễn ra trong bối cảnh tiêu dùng và lợi nhuận doanh nghiệp thuộc S&P 500 đều đang tăng trưởng tích cực** - một hiện tượng chưa từng có tiền lệ; ngoại trừ giai đoạn thị trường chứng khoán điều chỉnh mạnh trong năm 1987 và cuối 2002. Chúng tôi nhận định rằng việc nới lỏng chính sách tiền tệ trong một nền kinh tế có thanh khoản dồi dào và lợi nhuận doanh nghiệp đang tăng tốc có thể tái kích hoạt áp lực lạm phát. Điều này đặc biệt đáng lo ngại khi các thành phần chủ chốt như thực phẩm, y tế, giáo dục và ô tô đã bắt đầu ổn định hoặc tăng giá. Lạm phát dai dẳng ở mức cao có thể buộc Fed phải thực hiện một đợt thắt chặt mới, tiềm ẩn nguy cơ kim hãm tăng trưởng kinh tế.

Lượng thanh khoản dư thừa lên đến 155 tỷ USD của RRP đang chờ đáo hạn



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

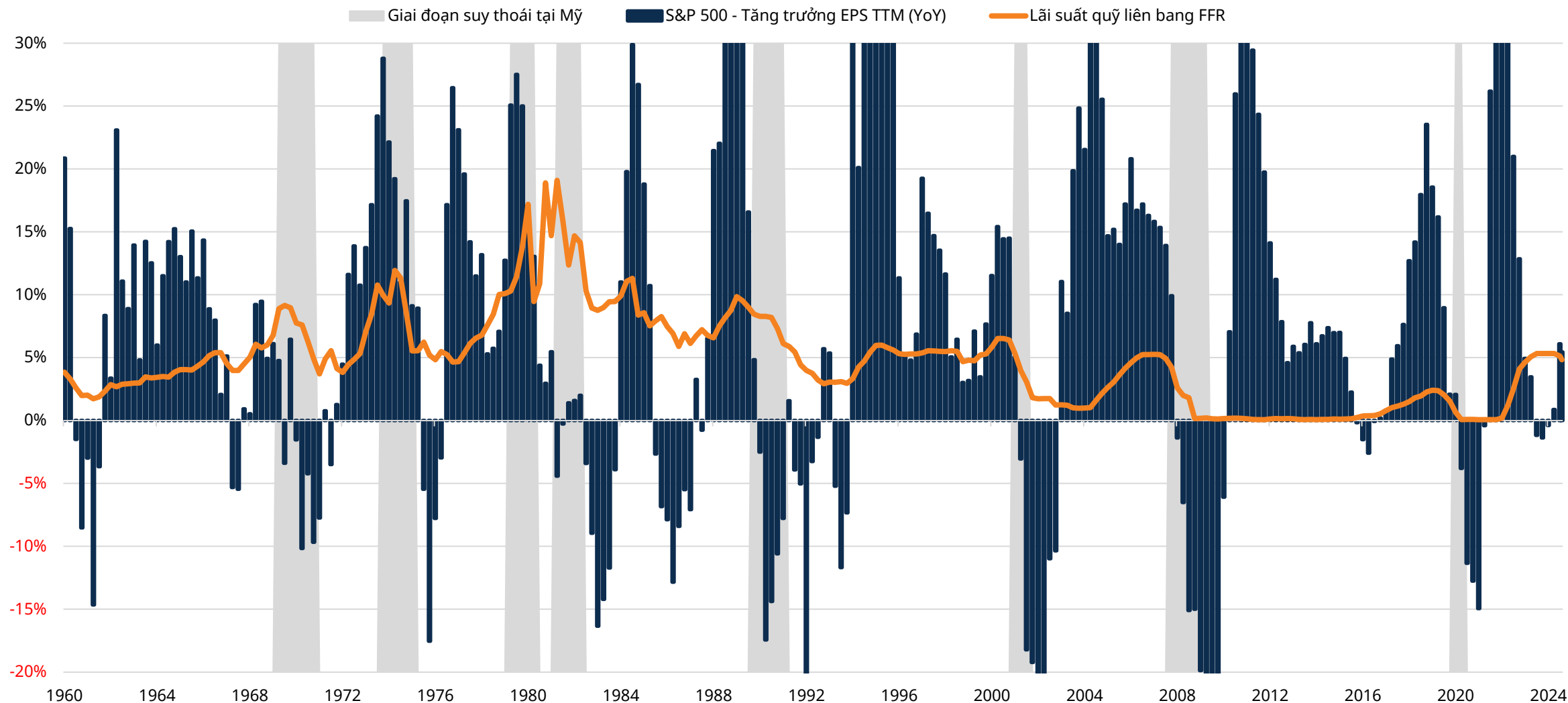
Lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm của Mỹ trước và sau 200 ngày kể từ lần hạ lãi suất đầu tiên



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Fed chưa bao giờ cắt giảm lãi suất khi lợi nhuận doanh nghiệp đang mạnh mẽ và tăng tốc, ngoại trừ sau các giai đoạn điều chỉnh của thị trường chứng khoán



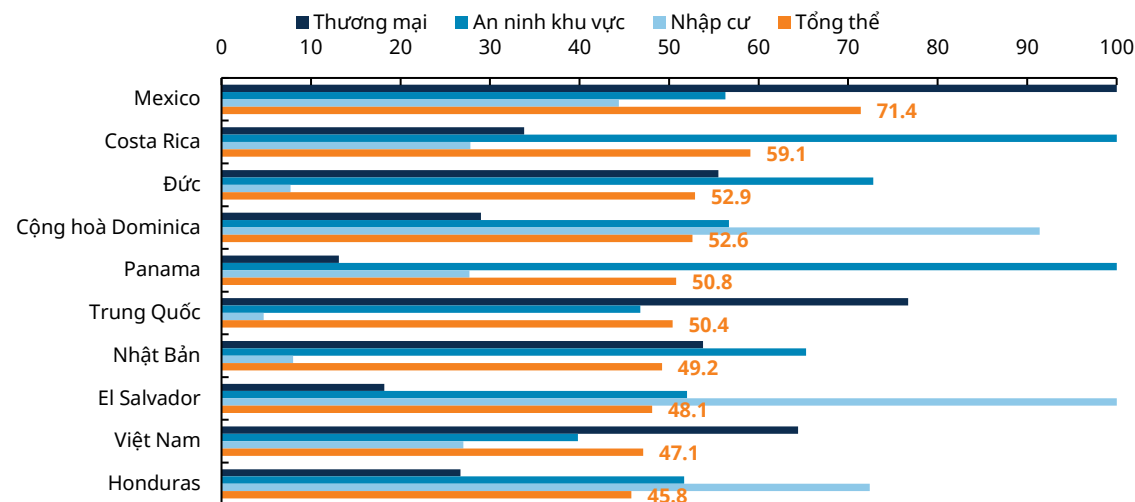
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, National Bureau of Economic Research (NBER), cập nhật tới 01/11/2024. Vùng màu xám biểu thị giai đoạn suy thoái kinh tế tại Mỹ.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ và các tác động tiềm tàng

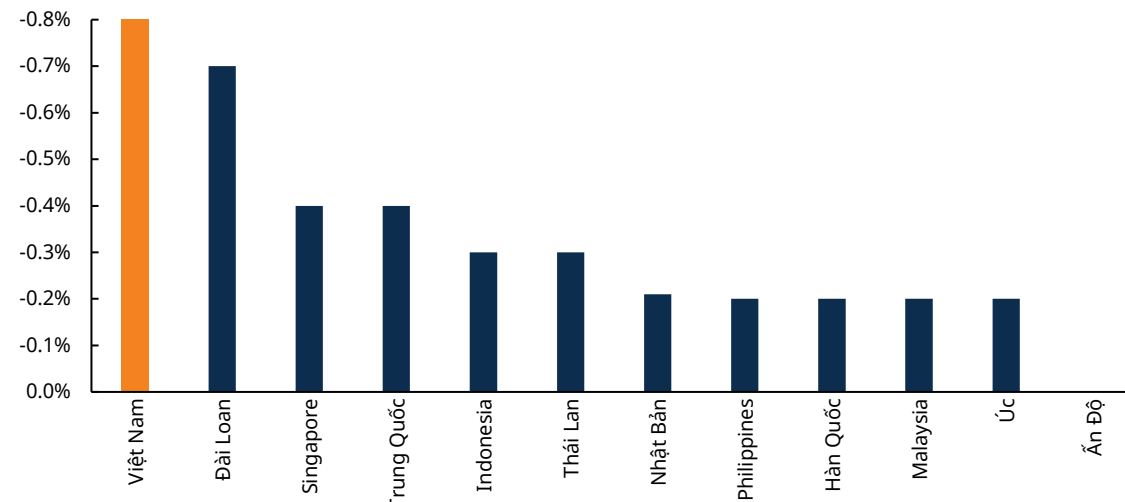
- Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ đã kết thúc với chiến thắng áp đảo của Đảng Cộng hòa và Cựu Tổng thống Donald Trump. Theo đánh giá đến từ Economist Intelligence Unit (EIU), Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia dự kiến sẽ chịu tác động đáng kể trong nhiệm kỳ thứ hai của Trump.
- Theo dự báo của EIU, tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự đoán sẽ chậm lại trung bình 0,8 điểm phần trăm trong giai đoạn 2025-2026. Nguyên nhân chính đến từ những thay đổi có thể xảy ra trong chính sách thương mại quốc tế, khiến Việt Nam trở thành nước có tác động kém khả quan đứng thứ ba về mặt xuất nhập khẩu, chỉ sau Mexico và Trung Quốc.
- Trong chiến dịch tranh cử, Trump đe dọa sẽ áp thuế trừng phạt lên tới 60% hoặc cao hơn đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào Mỹ. Ông đồng thời có ý định tăng thuế nhập khẩu từ 10-20% đối với hàng hóa từ các nước khác. Mặc dù ban đầu Việt Nam có thể hưởng lợi từ xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng "Trung Quốc + 1", nhưng đồng thời cũng sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh về giá tại thị trường Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam.
- Bên cạnh đó, Việt Nam có thể gặp bất lợi do các biện pháp bảo hộ của Mỹ nhằm ưu đãi các nhà sản xuất trong nước. Nguy cơ bị áp thuế đối với các sản phẩm có nguồn gốc từ Trung Quốc nhưng được sản xuất tại nước thứ ba cũng là điều đáng lo ngại. Ví dụ điển hình là việc Mỹ từng áp thuế hơn 400% đối với thép nhập khẩu từ Việt Nam, với cáo buộc hàng hóa tạm nhập tái xuất khẩu sang thị trường Mỹ - một động thái làm căng thẳng quan hệ giữa hai đối tác thương mại.
- Một cuộc chiến thuế quan dự kiến sẽ có tác động lan tỏa vượt ra ngoài phạm vi thương mại song phương. Những biện pháp như vậy có thể làm tăng mức giá chung của các sản phẩm nội địa tại Hoa Kỳ, có khả năng gia tăng lạm phát do cạnh tranh giá trong bối cảnh lãi suất cao. Kịch bản này có nguy cơ dẫn đến tăng trưởng trì trệ và làm trầm trọng thêm thâm hụt ngân sách Hoa Kỳ. Hậu quả là, các quốc gia có chính sách tiền tệ bị động hơn và phụ thuộc vào tỷ giá, như Việt Nam, có thể phải đối mặt với những thách thức không lường trước được, bao gồm áp lực tỷ giá hối đoái gia tăng.

10 quốc gia chịu ảnh hưởng lớn nhất theo Trump Risk Index (TRI)



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Economist Intelligence Unit (EIU), cập nhật tới 01/11/2024. Điểm đánh giá TRI: 0 = thấp nhất; 100 = cao nhất.

Mức điều chỉnh giảm trong dự phóng GDP giai đoạn 2025 - 2026 đến từ ảnh hưởng của nhiệm kỳ tổng thống thứ hai của Trump



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Economist Intelligence Unit (EIU), cập nhật tới 01/11/2024

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu (tiếp theo)

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Châu Âu

- **GDP quý 3 của khu vực đồng Euro (EA) tăng trưởng 0,4% QoQ (Quý 2: +0,2%) và 0,9% YoY (Quý 2: +0,6%).** Điều này cho thấy sự phân hóa giữa các quốc gia trong khu vực EU cũng như bức tranh kinh tế âm ảm tại Đức vẫn chưa tìm được tín hiệu khởi sắc.
- **GDP quý 3 tại Đức tăng trưởng 0,2% QoQ so với mức tăng trưởng âm bị điều chỉnh giảm -0,3% trước đó vào quý 2.** Trên cơ sở so sánh với cùng kỳ năm trước, GDP quý 3 của Đức tăng trưởng âm -0,2% YoY; báo hiệu rủi ro suy thoái kỹ thuật (GDP quý 2/2024 -0,3% YoY).
- **Doanh số bán lẻ tại Đức đã tăng 1,2% so với tháng trước trong tháng 9 năm 2024, tiếp nối đà tăng 1,2% đã được điều chỉnh giảm trong tháng 8.** So với cùng kỳ năm trước, doanh số bán lẻ đã tăng 3,8%, cao hơn mức tăng 2,2% của tháng 8.
- **Tỷ lệ thất nghiệp tại EA ổn định tại 6,3% trong tháng 10.**
- Tỷ lệ thất nghiệp tại Vương quốc Anh bất ngờ giảm từ 4,1% xuống 4% trong tháng 8, đánh dấu mức thấp nhất kể từ quý kết thúc vào tháng 1.
- **PMI Sản xuất và Dịch vụ tại Đức đều được cải thiện trong tháng 10 với ước tính lần đầu ghi nhận lần lượt 42,6 điểm (T9: 40,6) và 51,4 điểm (T9: 50,6).** Tương tự, PMI Sản xuất của khu vực đồng Euro (EA) cũng được cải thiện và đạt 49,7 điểm (T9: 49,6 điểm) trong khi PMI Dịch vụ giảm nhẹ từ 51,4 về 51,2 điểm.
- Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) đã hạ lãi suất vào chiều ngày 22/10 trong cuộc họp tháng 10, đánh dấu đợt cắt giảm thứ ba liên tiếp kể từ tháng 6. **Mức lãi suất mới được ấn định là 3,40% cho các hoạt động tái cấp vốn chính, 3,65% cho cơ chế cho vay cận biên, và 3,25% cho cơ chế tiền gửi.**
- **Tỷ lệ thất nghiệp tại Đức tăng nhẹ từ 6% lên 6,1% trong tháng 10, mức cao nhất kể từ tháng 2/2021.**
- **CPI tại Đức tăng tốc trong tháng 10 với mức tăng từ 1,6% lên 2% YoY.**
- **CPI tại EA tăng tốc trong tháng 10 khi tăng từ 1,7% lên 2% YoY trong khi CPI cơ bản giữ nguyên tại 2,7%;** trong đó, đà tăng tốc của lạm phát ở các tháng cuối năm này phần lớn đã được dự đoán từ trước do các hiệu ứng so sánh mức nền thấp, khi mà đà giảm mạnh của giá năng lượng năm ngoái không còn được tính vào tỷ lệ lạm phát hàng năm.
- Số đơn hàng ghi nhận tại các nhà máy tại Đức sụt giảm bất ngờ -5,8% MoM trong tháng 8; ghi nhận mức giảm lớn nhất kể từ T1/2024 do ảnh hưởng bởi mức sụt giảm -8,6% MoM của nhóm tư liệu sản xuất. Điều này phản ánh các hoạt động sản xuất tại Đức có thể sẽ khó tiếp đà phục hồi trong các tháng tiếp theo.
- Chỉ số PMI Sản xuất Flash của S&P Global cho Vương quốc Anh đã giảm xuống 49,9 trong tháng 10 năm 2024, từ mức 51,5 của tháng trước, được điều chỉnh từ ước tính sơ bộ 50,3, báo hiệu sự suy giảm đầu tiên trong hoạt động sản xuất kể từ tháng 4.

Đánh giá: Nền kinh tế lớn nhất khu vực đồng Euro tiếp tục gặp khó khăn trong việc xác định các động lực tăng trưởng mới trong khi đối mặt với mối đe dọa cận kề của một cuộc suy thoái kỹ thuật. Tình huống này đặc biệt đáng chú ý trong bối cảnh sự phân hóa kinh tế ngày càng rõ rệt giữa các quốc gia thành viên, làm nổi bật những thách thức mang tính cấu trúc trong khu vực.

① Bối cảnh toàn cầu (Tiếp theo)

Cập nhật bối cảnh vĩ mô toàn cầu (tiếp theo)

TÍCH CỰC

TIÊU CỰC

Trung Quốc

- **Tăng trưởng GDP trong Q3/2024 đạt 4,6% YoY, thấp hơn kết quả của Q2 tại 4,7% song vẫn cao hơn kỳ vọng chung của thị trường tại 4,5%.**
- **Bắc Kinh dự kiến sẽ phát hành lượng trái phiếu chính phủ với kỳ hạn siêu dài với tổng giá trị lên đến 6 nghìn tỷ NDT (tương đương 846 tỷ USD) trong vòng 3 năm tới.**
 - Động thái này được ra sau khi Bộ Tài chính Trung Quốc công bố kế hoạch tăng cường phát hành nợ nhằm hỗ trợ chính quyền địa phương, cung cấp trợ cấp cho người có thu nhập thấp, ổn định thị trường bất động sản và tái cấp vốn cho các ngân hàng quốc doanh.
 - Nguồn vốn đến từ việc huy động lần này sẽ được phân bổ một phần nhằm hỗ trợ chính quyền địa phương giảm tải áp lực đến từ các khoản nợ ngoại bảng, theo thông tin đến từ Caixin.
 - Theo thống kê đến từ Quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, tổng các khoản nợ đang được nắm giữ bởi những phương tiện tài chính do chính quyền địa phương phát hành (LGFV) có thể lên đến hơn 60 nghìn tỷ NDT; trong đó, các khoản vay này được cho là tổn kém trong việc duy trì cũng như tạo thêm gánh nặng đối với tình hình tài chính của các chính quyền địa phương trong bối cảnh nguồn thu ngân sách đến từ thuế và bán đất đều sụt giảm kể từ khi khủng hoảng bất động sản hình thành.
- **Doanh số bán lẻ cải thiện trong tháng 9 với mức tăng 3,2% YoY (T8: 2,1%). Phần lớn đến từ sự cải thiện trong doanh số bán các mặt hàng điện tử.**
 - Trước đó, Bắc Kinh đã lên kế hoạch huy động nguồn vốn thông qua phát hành trái phiếu chính phủ kỳ hạn siêu dài lên đến 1000 tỷ NDT vào cuối tháng 7 với 150 tỷ (tương ứng khoảng 0,12% sản lượng kinh tế hoặc 0,3% tổng doanh số bán lẻ trong năm 2023) trong đó sẽ được dùng cho việc kích thích người tiêu dùng thay thế các vật dụng cũ, ô tô, xe đạp và các loại vật phẩm khác.
 - Vào đầu tháng 9, Trung Quốc đã đưa ra chính sách kích thích tiêu dùng và nâng cấp các thiết bị gia dụng cũ thông qua các khoản trợ cấp chính phủ lên đến 15% giá trị các mặt hàng tiêu dùng, đồ gia dụng. Cụ thể, công dân Trung Quốc có thể nhận đến 2000 NDT để mua sắm sofa, nệm, máy lọc không khí và các thiết bị khác.
- **Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) tiếp tục hạ lãi suất cho vay cơ bản (LPR) thêm 25 điểm cơ bản cho cả hai kỳ hạ 1 năm (3,1%) và 5 năm (3,6%) nhằm tiếp tục kích cầu cho vay tiêu dùng và đầu tư.** Trong đó, lần gần nhất mà PBoC hạ lãi suất là vào tháng 7 với động thái lần này đã đưa lãi suất nền về mức thấp mới trong lịch sử.
 - Lãi suất cho vay đối với kỳ hạn 1 năm thường được dùng làm lãi suất tham chiếu cho hầu hết các khoản vay đối với hộ gia đình và doanh nghiệp trong khi lãi suất áp dụng cho kỳ hạn 5 năm được dùng làm tham chiếu cho các khoản vay liên quan đến bất động sản.
 - Thống đốc Pan Gongsheng đồng thời đưa ra ẩn ý rằng PBoC rất có thể sẽ tiếp tục cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc (RRR) đối với các ngân hàng thương mại trong quý IV năm nay; động thái tương tự với những gì PBoC từng làm trong tháng 9.

- **CPI hạ nhiệt trong tháng 9 tại 0,4% YoY (T8: +0,6%)** do phần lớn chịu tác động giảm phát đến từ giá xăng dầu thế giới liên tục sụt giảm trong thời gian qua.
- **Giá xăng dầu giảm tiếp tục tạo áp lực đến chỉ số giá sản xuất khi PPI giảm mạnh hơn dự kiến tại -2,8% YoY trong tháng 9 (T8: -1,8%).**
- Chính sách kích cầu liên quan đến khủng hoảng bất động sản đến từ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc vào cuối tháng 9 vẫn chưa tạo ra được sự cải thiện đáng kể khi **đà giảm của giá nhà bình quân trong tháng 9 vẫn tiếp tục tăng tốc với mức giảm -5,7% YoY (T8: -5,3%).**
- **EU đã áp đặt mức thuế lên tới 35,3% đối với xe điện Trung Quốc**, dẫn đến căng thẳng và nguy cơ nổ ra một cuộc chiến thương mại.
 - Đồng thời, Trung Quốc đã đáp trả bằng cách áp thuế lên các sản phẩm của EU như rượu brandy và kêu gọi tiếp tục đối thoại, thúc giục EU tiếp cận đàm phán một cách mang tính xây dựng. Tình hình đang leo thang với khả năng điều tra các khoản trợ cấp của Trung Quốc cho pin mặt trời và tuabin gió.
- **Xuất khẩu giảm tốc trong tháng 9 khi ghi nhận tăng trưởng 2,4% YoY (T8: +8,7%). Lũy kế 9 tháng đầu năm, xuất khẩu tại Trung Quốc đạt khoảng 4,3% YoY; giảm nhẹ so với mức 4,6% trong tháng 8.**

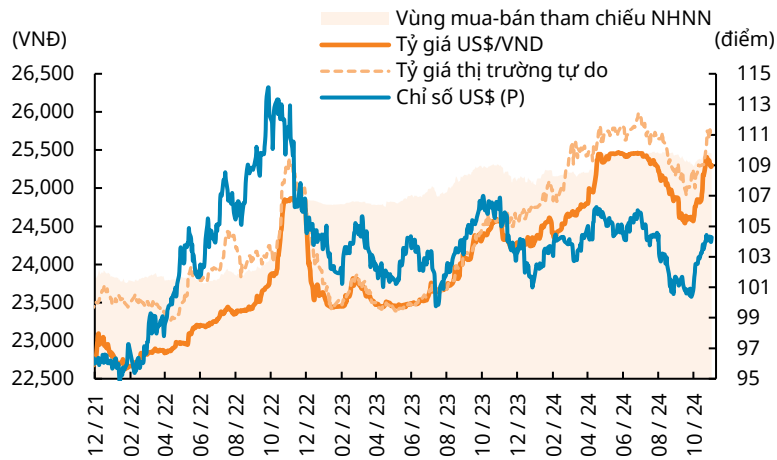
Đánh giá: Triển vọng tăng trưởng của Trung Quốc có khả năng sẽ đạt được mục tiêu 5% đối với năm 2024 khi các chính sách kích cầu thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa dần thấm thấu vào nền kinh tế. Tuy nhiên, thách thức đối với Trung Quốc sẽ là triển vọng của năm 2025 khi các động lực tăng trưởng và mức độ hiệu quả của chính sách kích cầu vẫn còn là một ẩn số.

② Thị trường tiền tệ

Tỷ giá tăng cao đặt ra rủi ro mới cho thị trường

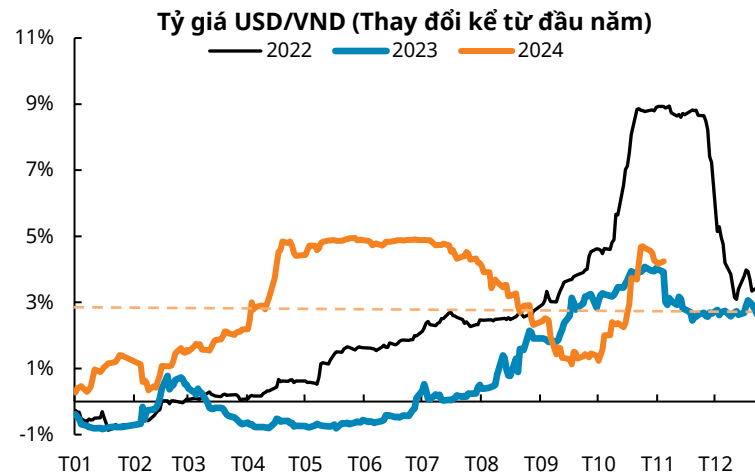
- **Tỷ giá bất ngờ tăng với mức mất giá kể từ đầu năm đạt 4,2% vào cuối tháng 10, tăng từ mức 1,2% vào cuối tháng 9.** Những biến động này tương đối bất ngờ đối với thị trường, khi chỉ số sức mạnh đồng USD, DXY, cũng liên tục tăng trong cùng thời kỳ, cùng với những biến động bất thường của lợi suất trái phiếu Mỹ ở tất cả các kỳ hạn. Tại đây, dữ liệu kinh tế Mỹ được công bố trong tháng 9 và tháng 10 trở nên tốt hơn kỳ vọng chung được xem là yếu tố chính làm thay đổi kỳ vọng của các nhà giao dịch về lộ trình hạ lãi suất của Fed.
- **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã có những biện pháp mạnh mẽ ngay sau khi tỷ giá tăng vọt gần đây, bao gồm phát hành tín phiếu thông qua kênh thị trường mở (OMO) và can thiệp vào tỷ giá bằng cách bán USD thông qua hợp đồng giao ngay.**
 - Từ ngày 01/10 đến ngày 01/11, NHNN đã phát hành tín phiếu thông qua OMO với tổng khối lượng phát hành đạt 90,5 nghìn tỷ đồng ở hai kỳ hạn: 14 ngày (lãi suất từ 3,7% đến 3,75%) và 28 ngày (lãi suất 3,99%). Ngoài ra, NHNN đồng thời điều tiết thanh khoản hệ thống thông qua các hợp đồng mua lại đảo ngược (RRP), với khối lượng phát hành RRP đạt 53 nghìn tỷ đồng kỳ hạn 7 ngày và lãi suất 4%, từ đó thiết lập mức sàn lãi suất mới cho thị trường liên ngân hàng.
 - Hơn nữa, NHNN đã phối hợp điều tiết thanh khoản với việc bán USD thông qua hợp đồng giao ngay từ nguồn dự trữ ngoại hối, với giá bán can thiệp là 25.450 đồng kể từ ngày 24/10. Sau đó, tỷ giá USD/VND đã trải qua các phiên hạ nhiệt ban đầu trong những ngày cuối tháng 10 nhưng vẫn nằm trong phạm vi can thiệp của NHNN.
- Trong những tháng còn lại của năm 2024, **tỷ giá tăng cao sẽ là một rủi ro cần theo dõi, xét thấy dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã giảm đáng kể, hiện chỉ duy trì khoảng 2,4 tháng nhập khẩu** (thấp hơn tiêu chuẩn 3 tháng mà IMF khuyến nghị) sau đợt bán USD gần đây thông qua hợp đồng giao ngay để can thiệp tỷ giá từ tháng 4 đến tháng 7. Ngoài ra, lộ trình cắt giảm lãi suất sắp tới có thể sẽ gặp nhiều thách thức khi lạm phát tiếp tục trở nên dai dẳng ở Mỹ, bởi CPI cơ bản và PCE cơ bản không có nhiều thay đổi đáng kể trong ba tháng qua.

Tương quan giữa tỷ giá USD/VND và chỉ số DXY



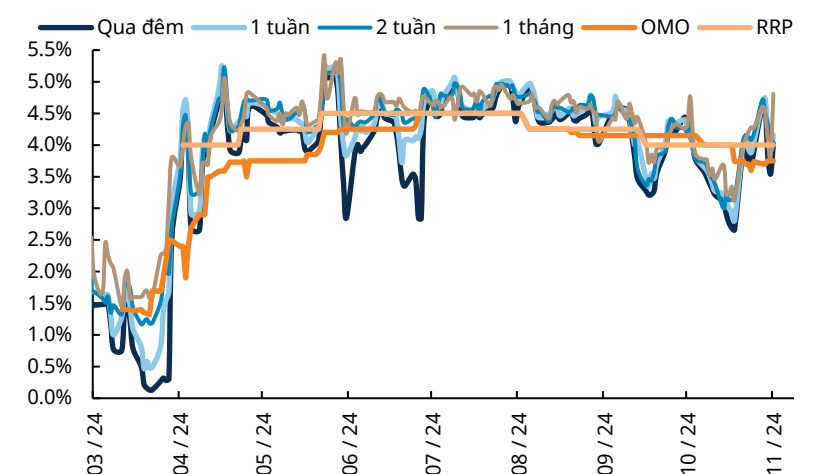
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, FiinPro, NHNN; cập nhật tới 01/11/2024

Tỷ giá tăng vọt trong bối cảnh lộ trình hạ lãi suất của Fed trở nên khó lường và nhập khẩu tăng mạnh vào cuối năm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

Lãi suất liên ngân hàng duy trì quanh vùng 4%



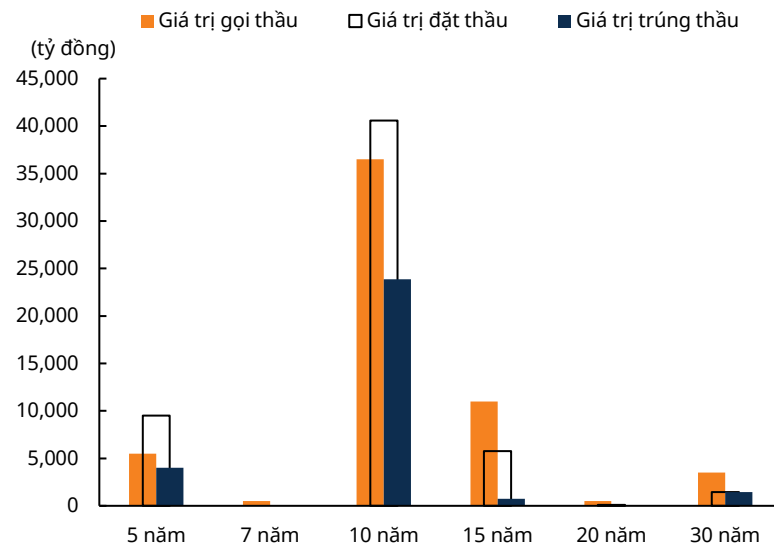
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, NHNN, cập nhật tới 01/11/2024

② Thị trường tiền tệ (Tiếp theo)

Trái phiếu chính phủ

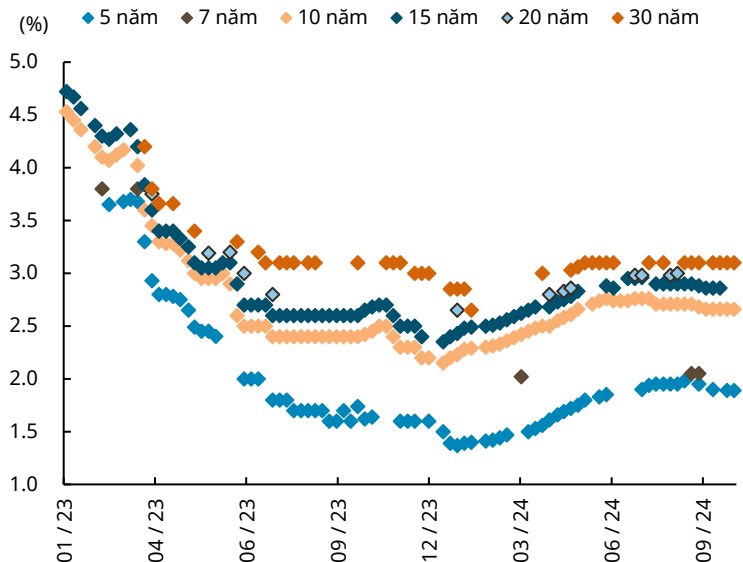
- **Phát hành trái phiếu chính phủ:**
 - Trong tháng 10, Kho bạc Nhà nước thành công huy động gần 33 nghìn tỷ đồng thông qua kênh phát hành trái phiếu chính phủ (tương ứng với 52,3% tổng giá trị gọi thầu) với tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu (bid-to-cover) đạt bình quân 1x (T9: 1,58x). Giá trị trúng thầu cho từng kỳ hạn như sau: 5 năm (4 nghìn tỷ đồng); 10 năm (23,87 nghìn tỷ đồng); 15 năm (750 tỷ đồng); và 30 năm (1,45 nghìn tỷ đồng).
 - Lũy kế 10 tháng đầu năm, Kho bạc Nhà nước đã thành công huy động gần 301 nghìn tỷ đồng thông qua kênh TPCP, đạt 75,3% kế hoạch của năm 2024 và vượt qua tổng giá trị trúng thầu của cả năm 2023 là 296,3 nghìn tỷ đồng.
 - Lợi suất trúng thầu trung bình tháng 10 có xu hướng giảm với mức giảm được ghi nhận ở các kỳ hạn 5 năm (-8bps), 10 năm (-3bps) và 15 năm (-3bps). Đường cong lợi suất thể hiện cấu trúc như sau: 5 năm (1,89%), 10 năm (2,66%), 15 năm (2,86%), và 30 năm (3,1%).
- **Trên thị trường thứ cấp, lợi suất trái phiếu tăng đối với các chứng khoán có kỳ hạn trung và dài hạn, cụ thể là những trái phiếu có kỳ hạn từ 5 đến 20 năm, trong khi trái phiếu ngắn hạn, như các kỳ hạn 1 và 2 năm, ghi nhận mức giảm nhẹ.** Cụ thể, biến động lợi suất như sau: 1 năm (-0,4 bps xuống 1,846%), 2 năm (-0,5 bps xuống 1,858%), 5 năm (+0,9 bps lên 1,91%), 7 năm (+3,9 bps lên 2,193%), 10 năm (+3,6 bps lên 2,699%), 15 năm (+3,7 bps lên 2,897%), 20 năm (+2,5 bps lên 2,992%), và 30 năm (+0,3 bps lên 3,163%).

Tỷ lệ đặt thầu/gọi thầu duy trì ở mức thấp trong năm 2024



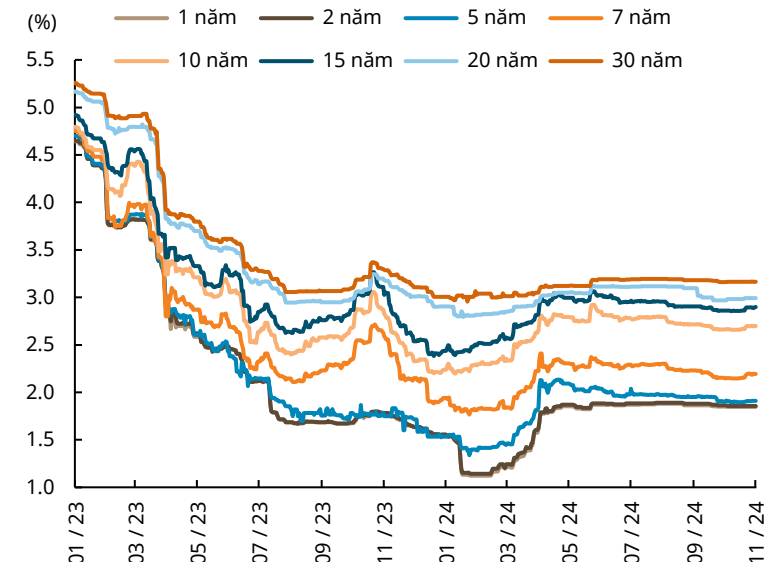
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/10/2024

Lợi suất trúng thầu trên thị trường sơ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 30/10/2024

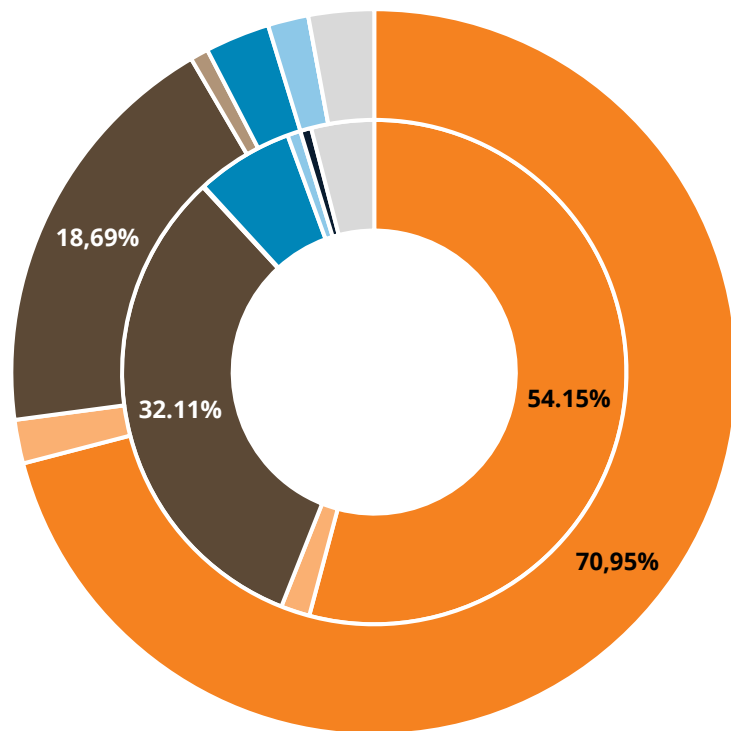
Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Tổng lượng trái phiếu doanh nghiệp phát hành theo ngành trong năm 2024 (YTD)



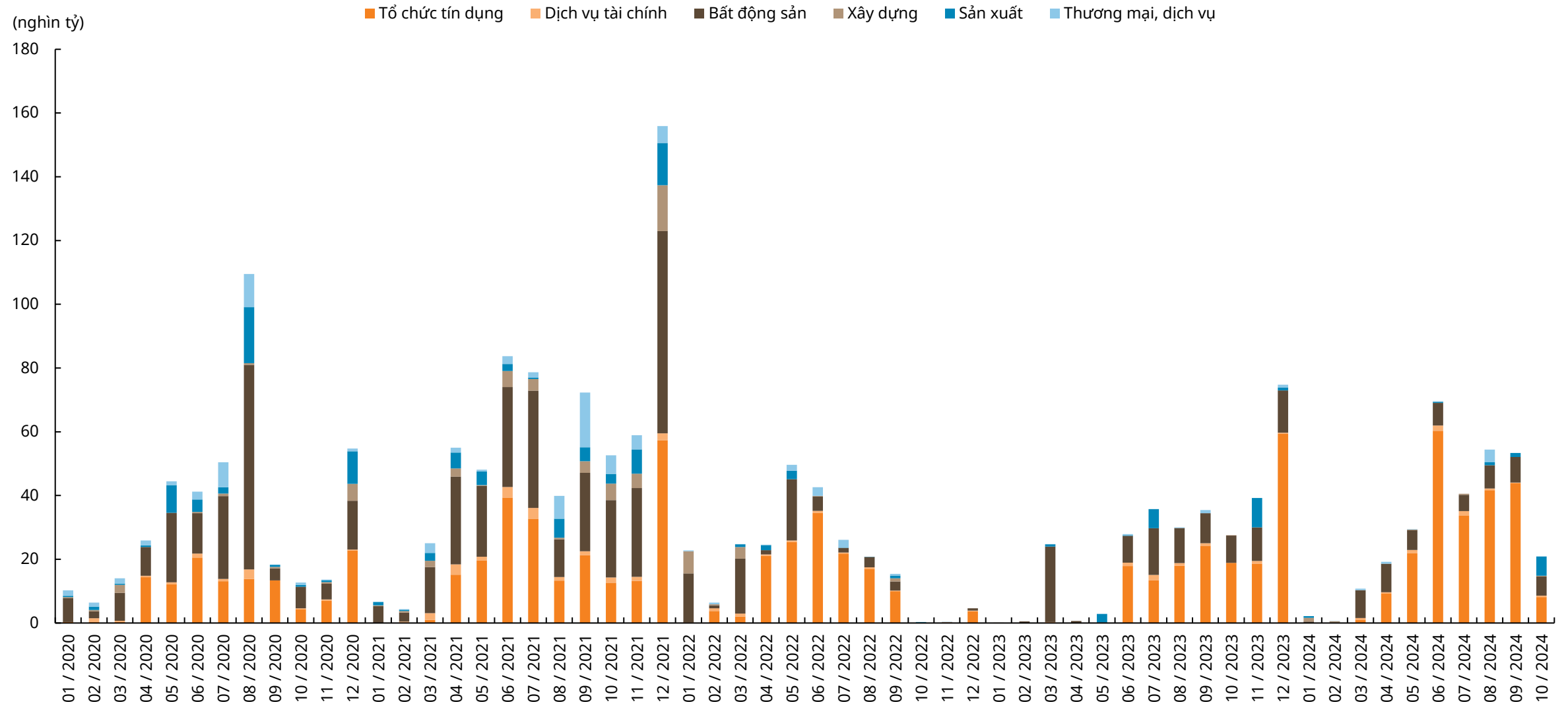
- Tổ chức tín dụng
- Bất động sản
- Sản xuất
- Năng lượng
- Dịch vụ tài chính
- Xây dựng
- Thương mại, dịch vụ
- Lĩnh vực khác

- **Phát hành mới:** Thị trường trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 20 đợt phát hành riêng lẻ trong tháng 10, với tổng giá trị phát hành đạt 22 nghìn tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 24 nghìn tỷ đồng của tháng 9. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ sự vắng mặt của hoạt động phát hành từ các ngân hàng thương mại trong nước.
 - Phần lớn giá trị phát hành đến từ các ngân hàng thương mại như Sacombank (3.500 tỷ đồng), LPB (2.330 tỷ đồng), VIB (1.200 tỷ đồng), HDBank (1.000 tỷ đồng), OCB (1.000 tỷ đồng), VietinBank (900 tỷ đồng), và TPB (330 tỷ đồng).
 - Các doanh nghiệp bất động sản như Cù Lao Chàm (5.760 tỷ đồng), Becamex (320 tỷ đồng), và CII (200 tỷ đồng) đồng thời đóng góp phần lớn lượng phát hành trong tháng 10, cùng với các tập đoàn như Vinfast (6.000 tỷ đồng), Vietjet Air (1.000 tỷ đồng), và Chứng khoán Thành Công (400 tỷ đồng).
 - Tính từ đầu năm đến nay, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành đã vượt 310 nghìn tỷ đồng (+59% YoY).
- **Mua lại trước hạn:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ghi nhận 64 giao dịch mua lại trái phiếu trước hạn từ ngày 01-31 tháng 10, với tổng giá trị 21,5 nghìn tỷ đồng.
 - Các ngân hàng thương mại dẫn đầu xu hướng này, tiêu biểu như VIB (8.350 tỷ đồng), LPB (3.500 tỷ đồng), OCB (2.000 tỷ đồng), ABB (1.000 tỷ đồng), BIDV (700 tỷ đồng), và VietBank (400 tỷ đồng). Các tổ chức phi ngân hàng đáng chú ý tham gia mua lại trước hạn bao gồm Dream City Villas (2.300 tỷ đồng) và DB Investment & Development (1.020 tỷ đồng).
 - Tính từ đầu năm, giá trị mua lại trước hạn đã đạt mức 153,7 nghìn tỷ đồng, tuy nhiên con số này giảm 19% YoY. Các tổ chức tín dụng, chủ yếu là ngân hàng thương mại, là động lực chính, chiếm gần 73% tổng giá trị mua lại sớm (khoảng 112 nghìn tỷ đồng). Các lĩnh vực bất động sản và sản xuất đứng sau, đóng góp lần lượt 12,7% và 5,4%.
- **Lịch đáo hạn:**
 - Khoảng 30 trái phiếu dự kiến sẽ đáo hạn trong tháng 11/2024, với tổng giá trị đáo hạn đạt khoảng 11,1 nghìn tỷ đồng. Cụ thể, khoảng 7.650 tỷ đồng trái phiếu đến hạn từ lĩnh vực bất động sản; 1.700 tỷ đồng từ lĩnh vực sản xuất; và ngành ngân hàng thương mại chiếm gần 700 tỷ đồng.
 - Dự kiến khoảng 5.300 tỷ đồng trái phiếu có thể đối mặt với việc chậm thanh toán hoặc cần tái cơ cấu từ các tổ chức phát hành như Bất động sản Lan Việt, Tập đoàn Phúc Khang, Tập đoàn Thái Tuấn, và Đầu tư Hải Phát. Đây chủ yếu là các công ty bất động sản có kết quả kinh doanh kém khả quan trong năm 2023 và 9 tháng đầu năm 2024, kèm theo đòn bẩy tài chính lớn; hoặc những doanh nghiệp đã từng được gia hạn thanh toán trái phiếu theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP.
 - Theo VIS Ratings, tổng giá trị trái phiếu chậm thanh toán trên thị trường đã đạt khoảng 189 nghìn tỷ đồng từ tháng 4/2022 đến tháng 9/2024. Nhìn chung, mặc dù thị trường trái phiếu doanh nghiệp chưa có cải thiện đáng kể về phát hành mới, vẫn tập trung chủ yếu ở các ngân hàng thương mại để bổ sung vốn cấp 2, nhưng nhìn chung đã có những dấu hiệu phục hồi ban đầu. Tổng giá trị trái phiếu mất khả năng thanh toán được ghi nhận mới trong tháng 9 chỉ đạt 1.700 tỷ đồng, thấp hơn mức trung bình bốn quý là 14.900 tỷ đồng. Trong đó, 781 tỷ đồng gốc quá hạn đã được hoàn trả cho trái chủ chỉ riêng trong tháng 9, nâng tỷ lệ thu hồi lên 21,2%, phần lớn nhờ vào các tổ chức phát hành như Saigon Glory và Đầu tư Hải Phát.

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024. Vòng tròn bên trong thể hiện giá trị phát hành năm 2023, trong khi vòng tròn bên ngoài biểu thị dữ liệu năm 2024.

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

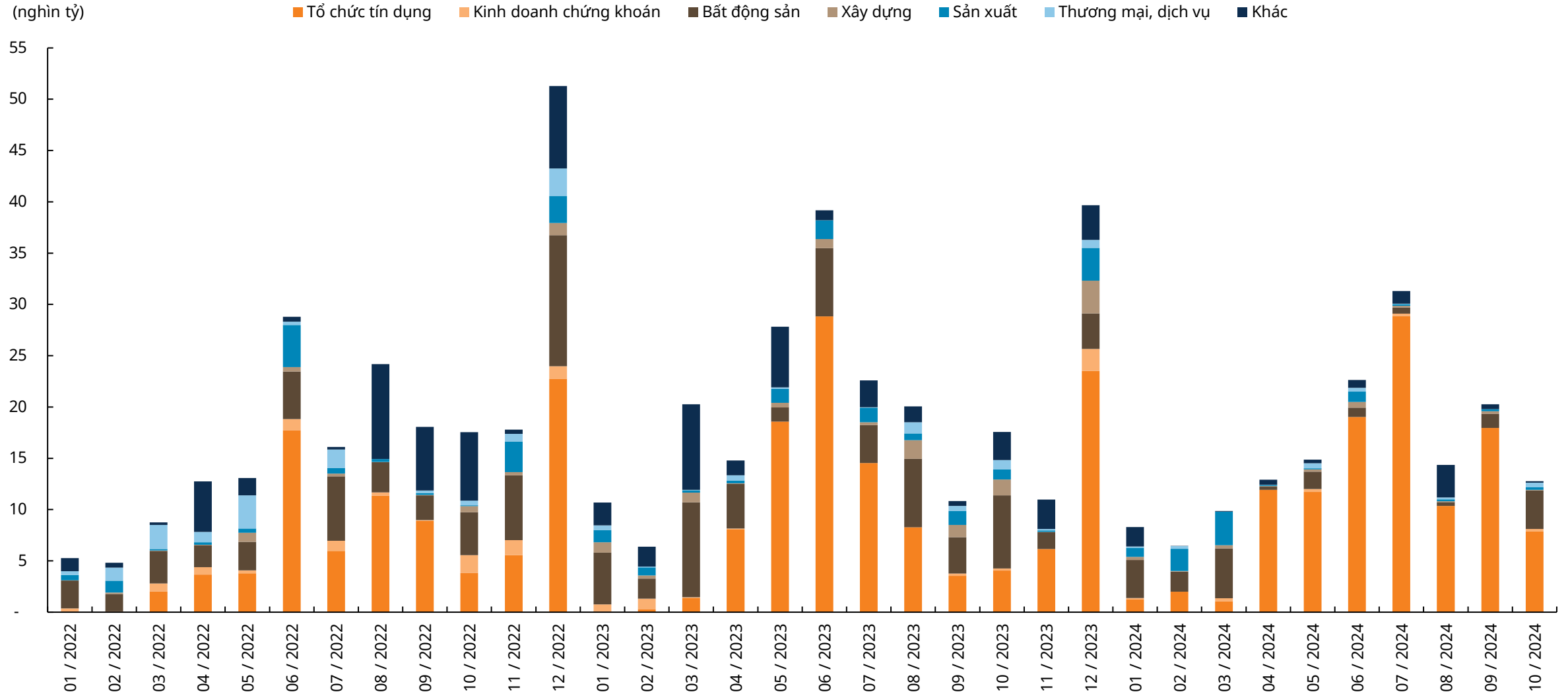
Tháng 10 ghi nhận lượng trái phiếu phát hành mới thấp đáng kể so với tháng 9 do chủ yếu đến từ sự vắng mặt của hoạt động phát hành từ các ngân hàng thương mại trong nước



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

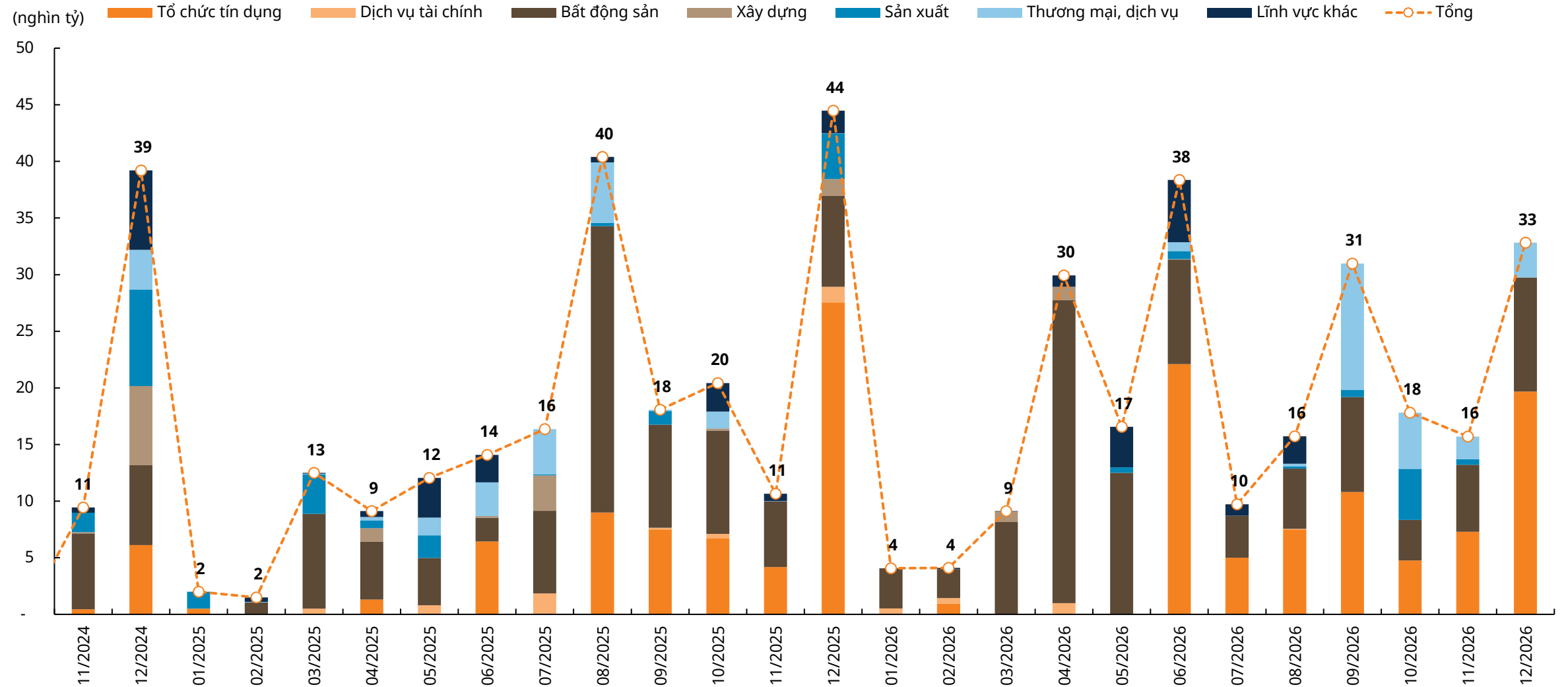
Tổng giá trị mua lại trước hạn đối với trái phiếu doanh nghiệp theo từng ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Lịch đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp theo ngành



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 11

| Ngành | Mã trái phiếu | Doanh nghiệp phát hành | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%) | Tổng giá trị (tỷ đồng) |
|------------------------|----------------------------|--|-------------------|-------------------|--------------|------------------------|
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_05 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 06/11/2018 | 06/11/2024 | 7,00 | 98 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_06 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 08/11/2018 | 08/11/2024 | 7,00 | 44 |
| Bất động sản | GLXCH2124002 | Tập đoàn Geleximco - Công ty CP | 10/11/2021 | 10/11/2024 | 10,00 | 968 |
| Kinh doanh chứng khoán | VDSH2324004 | CTCP Chứng khoán Rồng Việt (HOSE: VDS) | 10/11/2023 | 10/11/2024 | 9,20 | 509 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_KHDN_2018_02 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 11/11/2018 | 11/11/2024 | 6,35 | 100 |
| Bất động sản | PDCCH2124001 | Công ty Cổ phần Địa ốc Phương Đông | 12/11/2021 | 12/11/2024 | 10,00 | 900 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_07 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 12/11/2018 | 12/11/2024 | 7,00 | 99 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_08 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 14/11/2018 | 14/11/2024 | 7,00 | 78 |
| Lĩnh vực khác | IPAH2124002 | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA) | 15/11/2021 | 15/11/2024 | 9,50 | 400 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_09 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 16/11/2018 | 16/11/2024 | 7,00 | 31 |
| Lĩnh vực khác | NPHCH2124001 | Công ty CP Quốc tế Ngàn Phố | 18/11/2021 | 18/11/2024 | 12,90 | 68 |
| Sản xuất | AAAH2124001 | Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh (HOSE: AAA) | 19/11/2021 | 19/11/2024 | 8,00 | 470 |
| Tổ chức tín dụng | HDB1924_05 | NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK) | 18/11/2019 | 19/11/2024 | 8,50 | 1 |
| Sản xuất | DMBOND2017 | CTCP Đường Man | 20/11/2017 | 20/11/2024 | 10,75 | 200 |
| Sản xuất | TTDCH2122002 | CTCP Tập đoàn Thái Tuấn | 20/05/2021 | 20/11/2024 | 11,00 | 500 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_10 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 20/11/2018 | 20/11/2024 | 7,00 | 50 |
| Bất động sản | BOND_PKI_2020 | Công ty TNHH MTV Quản Lý Đầu Tư Phúc Khang | 23/11/2020 | 23/11/2024 | 9,00 | 500 |
| Tổ chức tín dụng | MB.BOND.2017.7Y.10 | Ngân Hàng TMCP Quân Đội (HOSE: MBB) | 24/11/2017 | 24/11/2024 | 8,45 | 60 |
| Bất động sản | HPXH2124009 | CÔNG Ty Cổ Phần Đầu Tư Hải Phát (HOSE: HPX) | 25/11/2021 | 25/11/2024 | 10,00 | 183 |
| Bất động sản | LVRCB2324001 | Công ty TNHH Bất Động Sản Lan Việt | 25/08/2023 | 25/11/2024 | 13,30 | 4.100 |
| Sản xuất | BHBCH2124004 | CTCP Năng Lượng Bắc Hà | 26/11/2021 | 26/11/2024 | 9,50 | 60 |
| Xây dựng | CDCH2124001 | Công Ty Cổ Phần Chương Dương | 26/11/2021 | 26/11/2024 | 11,00 | 112 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_12 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 26/11/2018 | 26/11/2024 | 7,00 | 26 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_13 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 28/11/2018 | 28/11/2024 | 7,00 | 51 |
| Tổ chức tín dụng | HDB1924_06 | NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK) | 28/11/2019 | 29/11/2024 | 8,50 | 2 |
| Kinh doanh chứng khoán | TCSCH2124017 | CTCP chứng khoán Kỹ thương | 29/12/2021 | 29/11/2024 | 8,23 | 2 |
| Sản xuất | NTCCH2124001 | Công ty TNHH Ngọc Thiên | 30/11/2021 | 30/11/2024 | 11,00 | 500 |
| Bất động sản | PQSCB2124001 | Công ty TNHH Mặt trời Phú Quốc | 30/11/2021 | 30/11/2024 | 7,70 | 1.000 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_14 | Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (HOSE: VCB) | 30/11/2018 | 30/11/2024 | 7,00 | 55 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12

| Ngành | Mã trái phiếu | Doanh nghiệp phát hành | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%) | Tổng giá trị (tỷ đồng) |
|---------------------|-----------------------|---|----------------|--------------|--------------|------------------------|
| Lĩnh vực khác | VJCH2124006 | Vietjet (HOSE: VJC) | 01/12/2021 | 01/12/2024 | 9.5 | 1,000 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_15 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 04/12/2018 | 04/12/2024 | 7 | 58 |
| Thương mại, dịch vụ | MCHBONDS2014 | Masan Consumer (UPCOM: MCH) | 05/12/2014 | 05/12/2024 | 8 | 2,100 |
| Tổ chức tín dụng | ACB.2019.04 | ACB (HOSE: ACB) | 06/12/2019 | 06/12/2024 | 7.1 | 1,500 |
| Sản xuất | TKV5Y.2019 | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | 06/12/2019 | 06/12/2024 | 9.55 | 2,000 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_16 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 06/12/2018 | 06/12/2024 | 7 | 30 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_17 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 10/12/2018 | 10/12/2024 | 7 | 14 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_18 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 12/12/2018 | 12/12/2024 | 6.35 | 18 |
| Tổ chức tín dụng | MB.BOND.2017.7Y.13 | MBBank (HOSE: MBB) | 14/12/2017 | 14/12/2024 | 8.4 | 200 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_19 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 14/12/2018 | 14/12/2024 | 6.35 | 21 |
| Xây dựng | SDICB2124001 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sài Gòn | 15/12/2021 | 15/12/2024 | 10 | 6,575 |
| Bất động sản | BIDCH2124002 | Công ty cổ phần BIDGROUP | 16/12/2021 | 16/12/2024 | 11 | 330 |
| Bất động sản | CLACH2124003 | Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm | 16/12/2021 | 16/12/2024 | 11.5 | 240 |
| Tổ chức tín dụng | BVBH2124005 | NGÂN HÀNG TMCP BẢN VIỆT (UPCOM: BVB) | 17/12/2021 | 17/12/2024 | 6 | 1,000 |
| Bất động sản | DPHCB2124001 | Công ty Cổ phần Đại Phú Hòa | 17/12/2021 | 17/12/2024 | 10.67 | 3,560 |
| Bất động sản | PHICH2124001 | Công ty TNHH Đầu tư Phúc Hậu | 17/12/2021 | 17/12/2024 | 11.5 | 400 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_20 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 18/12/2018 | 18/12/2024 | 6.3 | 37 |
| Lĩnh vực khác | IPAH2124003 | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A (HNX: IPA) | 20/12/2021 | 20/12/2024 | 9.5 | 310 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_21 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 20/12/2018 | 20/12/2024 | 6.3 | 18 |
| Thương mại, dịch vụ | GLTCH2124001 | CTCP Đầu Tư Và Kinh Doanh Golf Long Thành | 21/12/2021 | 21/12/2024 | 9.5 | 1,000 |
| Lĩnh vực khác | HTCH2024001 | Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Du lịch Hoàng Trường | 21/12/2020 | 21/12/2024 | 9.3 | 1,400 |
| Tổ chức tín dụng | MB.BOND.2017.7Y.14 | MBBank (HOSE: MBB) | 22/12/2017 | 22/12/2024 | 8.4 | 600 |
| Xây dựng | VC2H2124002 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vina2 | 22/12/2021 | 22/12/2024 | 11.5 | 110 |
| Lĩnh vực khác | SBPCB2124001 | Công ty Cổ phần Sunbay Ninh Thuận | 23/12/2021 | 23/12/2024 | 9.5 | 0 |
| Lĩnh vực khác | SBPCB2124002 | Công ty Cổ phần Sunbay Ninh Thuận | 23/12/2021 | 23/12/2024 | 9.5 | 655 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_22 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 24/12/2018 | 24/12/2024 | 6.3 | 12 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

③ Thị trường trái phiếu doanh nghiệp (Tiếp theo)

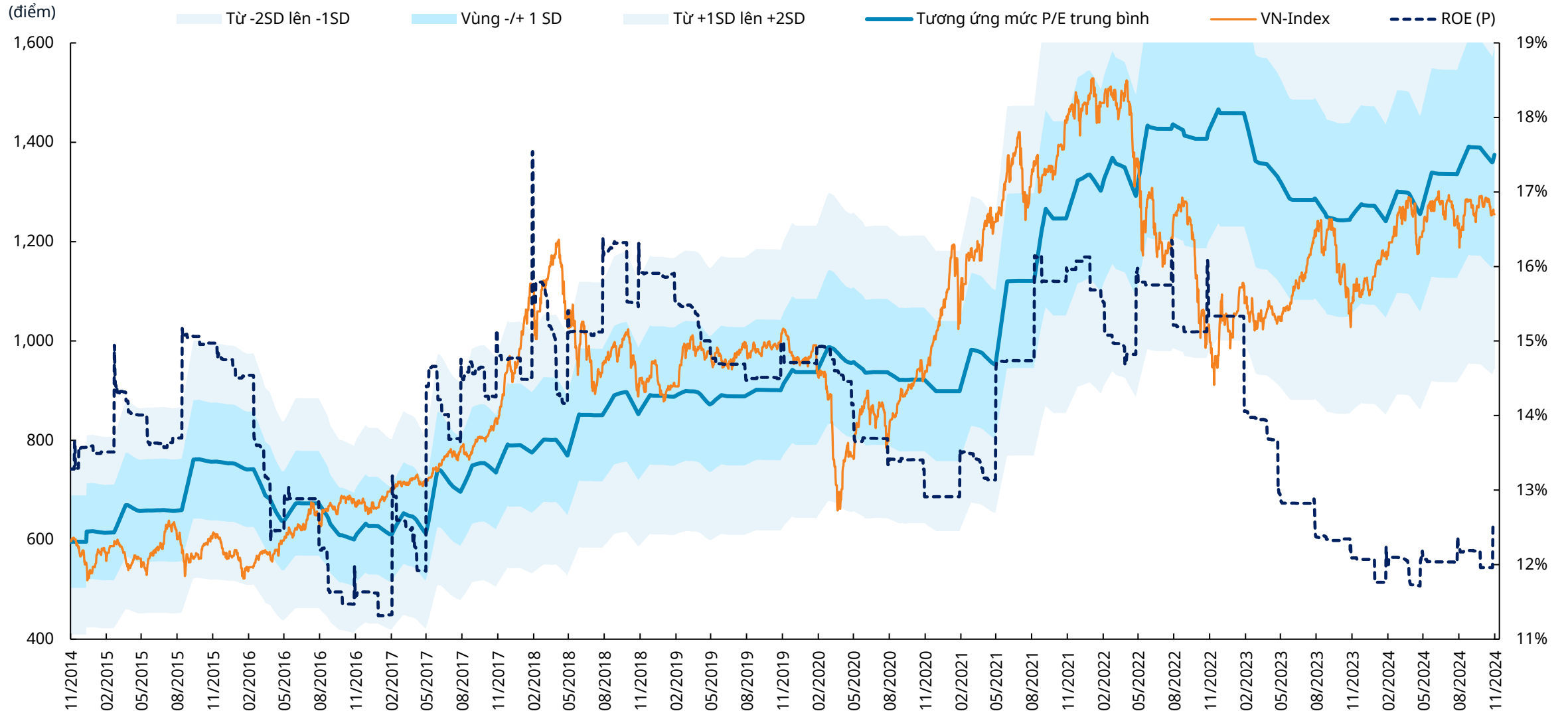
Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12

| Ngành | Mã trái phiếu | Doanh nghiệp phát hành | Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Lãi suất (%) | Tổng giá trị (tỷ đồng) |
|---------------------|-----------------------|--|----------------|--------------|--------------|------------------------|
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_23 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 26/12/2018 | 26/12/2024 | 6.3 | 64 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL6_2018_8 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 26/12/2018 | 26/12/2024 | 6.3 | 5 |
| Lĩnh vực khác | DPWCB2324001 | Công ty cổ phần Đầu tư Ngành nước DNP | 26/12/2023 | 26/12/2024 | 11 | 50 |
| Sản xuất | VIFCB2124004 | CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast | 27/12/2021 | 27/12/2024 | 9.25 | 5,000 |
| Lĩnh vực khác | VJCH2124007 | Vietjet (HOSE: VJC) | 27/12/2021 | 27/12/2024 | 9.5 | 3,000 |
| Tổ chức tín dụng | HDB1924_07 | NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK) | 27/12/2019 | 28/12/2024 | 8.5 | 2 |
| Tổ chức tín dụng | MB.BOND.2017.7Y.16 | MBBank (HOSE: MBB) | 28/12/2017 | 28/12/2024 | 8.45 | 25 |
| Tổ chức tín dụng | SEABOND14.24-003 | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á | 27/12/2014 | 28/12/2024 | 8 | 400 |
| Tổ chức tín dụng | VCB_BOND_RL06_2018_24 | Vietcombank (HOSE: VCB) | 28/12/2018 | 28/12/2024 | 6.3 | 120 |
| Sản xuất | VIFCB2124003 | CTCP Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast | 28/12/2021 | 28/12/2024 | 9 | 1,500 |
| Tổ chức tín dụng | BIDL2224027 | Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID) | 29/08/2022 | 29/12/2024 | 5.2 | 1,500 |
| Thương mại, dịch vụ | F88CH2324003 | Công ty cổ phần kinh doanh F88 | 29/12/2023 | 29/12/2024 | 11.5 | 150 |
| Lĩnh vực khác | 80A | Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả | 30/12/2019 | 30/12/2024 | 10 | 72 |
| Lĩnh vực khác | 80B | Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả | 27/03/2020 | 30/12/2024 | 10 | 72 |
| Tổ chức tín dụng | BAB1924.0202_3012 | Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á | 30/12/2019 | 30/12/2024 | 7.2 | 500 |
| Thương mại, dịch vụ | CGGCH2124001 | Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và dịch vụ Việt Mỹ A&V | 30/12/2021 | 30/12/2024 | 12 | 283 |
| Bất động sản | HDCH2224002 | CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu (HOSE: HDC) | 30/12/2022 | 30/12/2024 | 11.5 | 70 |
| Bất động sản | LACCH2124001 | Công ty Cổ phần Thương mại Dịch Vụ Hoa Lâm An | 30/12/2021 | 30/12/2024 | 11.5 | 700 |
| Lĩnh vực khác | NTGCH2124002 | Công ty Cổ phần Tập đoàn Ngọc Thiên Global | 30/12/2021 | 30/12/2024 | 11.5 | 453 |
| Bất động sản | CKGH2124001 | CTCP Tập đoàn tư vấn đầu tư xây dựng Kiên Giang | 31/12/2021 | 31/12/2024 | 10 | 500 |
| Xây dựng | DFFH2124002 | CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT | 31/12/2021 | 31/12/2024 | 10.5 | 300 |
| Bất động sản | HPX122018 | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẢI PHÁT (HOSE: HPX) | 31/12/2018 | 31/12/2024 | 10.5 | 300 |
| Bất động sản | NWCCH2124001 | Công ty TNHH New World Capital | 31/12/2021 | 31/12/2024 | 11 | 100 |
| Bất động sản | PAICH2124001 | Công ty Cổ phần Nông nghiệp sạch Phú Sơn | 31/12/2021 | 31/12/2024 | 11.5 | 350 |
| Bất động sản | SRSCH2124002 | CTCP Đầu Tư Và Xây Dựng Sunrise Việt Nam | 31/12/2021 | 31/12/2024 | 11 | 500 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ HNX, cập nhật tới 01/11/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam

ROE của VN-Index tăng lên 12,5% trong bối cảnh kết quả kinh doanh quý 3 được cải thiện, dẫn dắt bởi nhóm Bất động sản



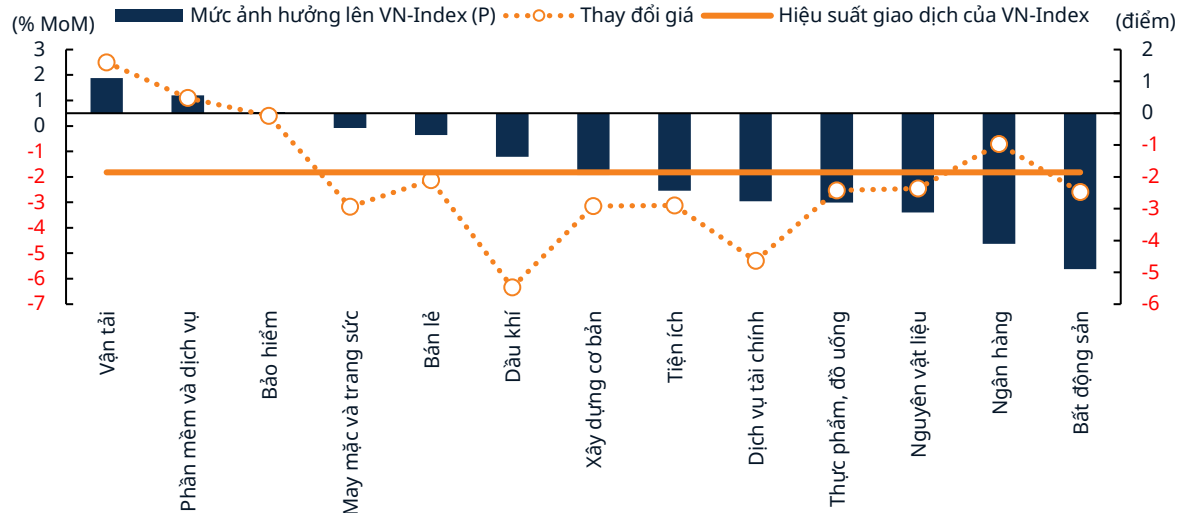
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp,
Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tín hiệu trái chiều dẫn đến nhịp điều chỉnh trong tháng 10

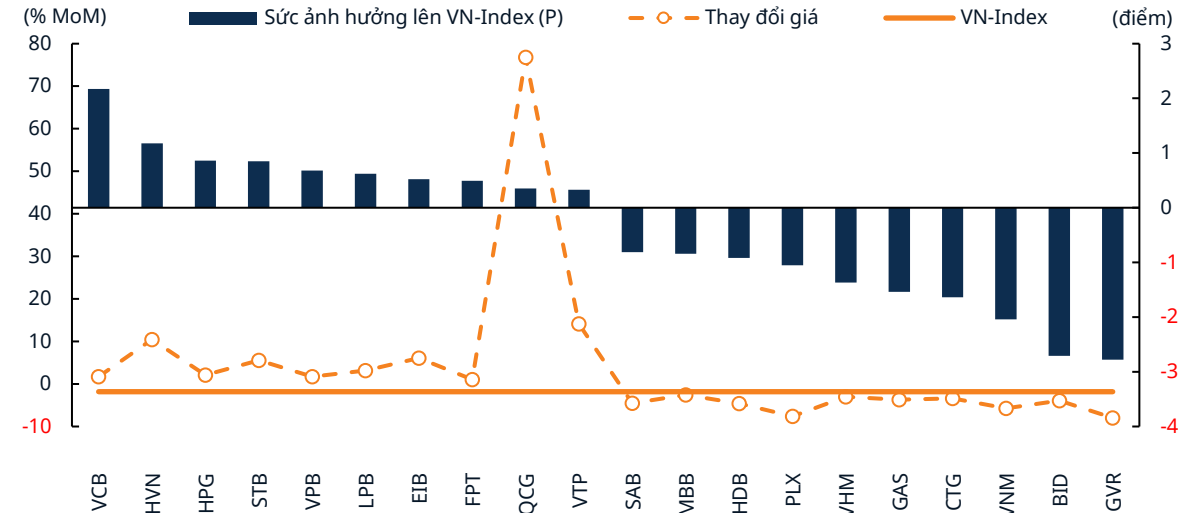
- Tâm lý thị trường trong tháng 10 dao động giữa những các yếu tố khó lường xoay quanh lộ trình hạ lãi suất của Fed và kết quả tranh cử Tổng thống Mỹ. Thanh khoản trời sạt trong khi áp lực chốt lời xuất hiện ở nhóm cổ phiếu Ngân hàng và các blue-chip đã từng ghi nhận đà tăng mạnh mẽ trước đó như VHM và FPT. Qua đó, VN-Index đã chấm dứt đà tăng kéo dài ba tháng, giảm 23,46 điểm xuống còn 1.264,48 (-1,82% MoM).
- Trong đó, nhịp điều chỉnh ở thị trường nội địa đã có phần nào thể hiện sự đồng điệu với xu hướng chung với các thị trường chứng khoán khác trong khu vực trong bối cảnh đà tăng giảm đan xen được ghi nhận tại thị trường châu Á và các thị trường phát triển ở Mỹ và châu Âu.
- Tuy nhiên, áp lực giảm điểm trong tháng 10 có thể được xem là một giai đoạn điều chỉnh cần thiết, nhằm phục vụ hai mục đích: hạ nhiệt thị trường và thiết lập vùng cân bằng mới sau đợt tăng kéo dài ở những tháng trước đó. Bên cạnh đó, nhịp điều chỉnh lần này vẫn chưa phản ánh đầy đủ tiềm năng tăng trưởng của thị trường như đã thể hiện qua kết quả kinh doanh (KQKD) quý 3 cũng như các đợt điều chỉnh trong tháng 10 thường đại diện cho phản ứng mang tính chu kỳ của thị trường với áp lực giảm điểm thường xuất hiện vào tháng đầu tiên của mỗi quý khi nhà đầu tư chuẩn bị trước mùa công bố kết quả kinh doanh.
- KQKD quý 3 của các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE đã vượt dự báo ban đầu của chúng tôi. Cụ thể, **tổng lợi nhuận sau thuế và lợi ích cổ đông thiểu số của VN-Index đạt gần 106 nghìn tỷ đồng, thể hiện mức tăng trưởng ấn tượng 27,8% YoY và tăng 8,4% QoQ**. Động lực chính cho sự tăng trưởng lợi nhuận này bao gồm sự phục hồi trong các ngành Bán lẻ và Tiện ích, cùng với sự trở lại của một số cổ phiếu ngành Bất động sản và lợi nhuận mạnh mẽ từ ngành Công nghệ thông tin. Trong khi đó, nhóm Ngân hàng duy trì tăng trưởng bền vững, ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận gần 17% so với cùng kỳ năm trước, mặc dù giảm nhẹ 6,4% so với quý hai.
- Ngược lại, kết quả quý 3 cho thấy thách thức đối với các ngành mang tính chu kỳ, bao gồm Nguyên vật liệu, Dầu khí và Dịch vụ tài chính, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán trở nên trầm lắng. Các ngành này đều ghi nhận tăng trưởng âm QoQ khi so sánh với quý 2 hoặc tốc độ tăng trưởng lợi nhuận so với cùng kỳ chậm lại so với quý hai.

Đánh giá diễn biến tháng 10: Sắc đỏ trở lại giữa luồng tin trái chiều



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 31/10/2024.

Áp lực chốt lời trở lại đối với nhóm Ngân hàng và các cổ phiếu có hiệu suất cao



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 31/10/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

VN-Index thường ghi nhận nhịp điều chỉnh trong tháng 10, tương tự với tháng 4

| Hiệu suất giao dịch (% MoM) | T1 | T2 | T3 | T4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
|-----------------------------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|
| TB 10 năm | 3,18 | 2,29 | -1,30 | -1,25 | 1,46 | 0,85 | 1,45 | 2,24 | -1,03 | -1,00 | 1,82 | 0,69 |
| 2024 | 3,04 | 7,59 | 2,50 | -5,81 | 4,32 | -1,30 | 0,50 | 2,59 | 0,32 | -1,82 | | |
| 2023 | 10,34 | -7,75 | 3,90 | -1,46 | 2,48 | 4,19 | 9,17 | 0,09 | -5,71 | -10,91 | 6,41 | 3,27 |
| 2022 | -1,29 | 0,76 | 0,14 | -8,40 | -5,42 | -7,36 | 0,73 | 6,15 | -11,59 | -9,20 | 1,99 | -3,94 |
| 2021 | -4,28 | 10,59 | 1,97 | 4,02 | 7,15 | 6,06 | -6,99 | 1,64 | 0,80 | 7,62 | 2,37 | 1,34 |
| 2020 | -2,54 | -5,81 | -24,90 | 16,09 | 12,40 | -4,55 | -3,24 | 10,43 | 2,67 | 2,24 | 8,39 | 10,05 |
| 2019 | 2,03 | 6,02 | 1,58 | -0,11 | -2,02 | -1,04 | 4,39 | -0,77 | 1,27 | 0,23 | -2,81 | -1,01 |
| 2018 | 12,81 | 1,01 | 4,72 | -10,58 | -7,52 | -1,08 | -0,46 | 3,47 | 2,79 | -10,06 | 1,29 | -3,67 |
| 2017 | 4,87 | 1,94 | 1,62 | -0,63 | 2,80 | 5,24 | 0,91 | -0,10 | 2,77 | 4,08 | 13,45 | 3,61 |
| 2016 | -5,83 | 2,59 | 0,33 | -6,62 | 3,35 | 2,23 | 3,16 | 3,43 | 1,65 | -1,45 | -1,59 | -0,03 |
| 2015 | 5,58 | 2,86 | -6,99 | 2,04 | 1,27 | 4,12 | 4,72 | -9,07 | -0,37 | 7,95 | -5,63 | 1,02 |
| 2014 | 10,28 | 5,38 | 0,87 | -2,29 | -2,76 | 2,87 | 3,10 | 6,81 | -5,95 | 0,34 | -5,70 | -3,70 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Hiệu suất giao dịch theo ngành trong tháng 10 và kết quả kinh doanh quý 3

| Phân ngành GICS | Vốn hóa (tỷ đồng) | Tỷ trọng vốn hóa | Vốn hóa 1 năm gần nhất | Biến động vốn hóa | | | | | Tăng trưởng LNST (YoY) | | | | | | Tăng trưởng LNST (YoY) | | | | Tăng trưởng LNST (QoQ) | | | |
|----------------------|-------------------|------------------|------------------------|-------------------|-------------|-------------|--------------|--------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|--------------|--------------|------------------------|--------------|-------------|--------------|------------------------|--------------|--------------|-------------|
| | | | | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 1 năm | YTD | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | 2024F | 4Q23 | 1Q24 | 2Q24 | 3Q24 | 4Q23 | 1Q24 | 2Q24 | 3Q24 |
| Ngân hàng | 2.100.392 | 40,4% | | -0,8% | 5,0% | 6,7% | 27,4% | 12,2% | 30,7% | 16,2% | 32,5% | 35,8% | 4,3% | 16,9% | 24,2% | 10,0% | 19,0% | 16,7% | 11,9% | 7,1% | 4,1% | -6,4% |
| Bất động sản | 670.251 | 12,9% | | -2,8% | 2,1% | -1,2% | -2,6% | 7,5% | 39,0% | -0,9% | 9,2% | -2,3% | -7,7% | 19,0% | -34,2% | -34,3% | -73,2% | 48,3% | -43,3% | 41,0% | -62,1% | 389,6% |
| Nguyên vật liệu | 463.003 | 9% | | -2,7% | -1,7% | 5,2% | 42,0% | 16,8% | -6,0% | 52,5% | 116,2% | -47,6% | -42,0% | 23,3% | 361,3% | 90,8% | 82,4% | 23,9% | 40,4% | -3,3% | 13,9% | -19,9% |
| Thực phẩm, đồ uống | 428.529 | 8,2% | | -2,6% | -2,5% | 5,7% | 11,2% | 5,7% | 5,9% | -19,6% | 34,1% | -12,2% | -24,4% | 20,7% | 3,8% | 28,3% | 0,5% | 23,2% | -7,2% | -3,9% | 32,7% | 4,1% |
| Tiện ích | 294.924 | 5,7% | | -3,3% | -8,2% | 1,3% | -1,7% | 2,0% | 13,3% | -19,9% | 12,5% | 47,5% | -29,1% | -43,5% | -25,8% | -55,8% | -23,2% | 69,2% | 68,1% | -43,6% | 58,3% | 12,9% |
| Vận tải | 222.249 | 4% | | 3,6% | 2,6% | 7,8% | 23,1% | 42,7% | -17,9% | -165,5% | -7,7% | 24,1% | 126,5% | 200,8% | 94,1% | 411,6% | 124,2% | 548,3% | 70,7% | 3519,4% | -52,8% | -5,3% |
| Xây dựng cơ bản | 220.493 | 4,2% | | -3,4% | -1,3% | 3,4% | 30,8% | 5,3% | 3,4% | 6,7% | 18,7% | -21,7% | -6,9% | 55,4% | 74,4% | 22,6% | 29,2% | 9,7% | -7,5% | 17,2% | 24,8% | -19,0% |
| Phần mềm và dịch vụ | 212.283 | 4,1% | | 1,8% | 5,8% | 27,0% | 87,0% | 61,9% | 19,3% | 13,3% | 23,6% | 22,1% | 21,7% | 11,6% | 29,6% | 20,0% | 22,9% | 17,5% | 3,3% | -2,6% | 6,2% | 10,0% |
| Dịch vụ tài chính | 200.328 | 3,9% | | -5,2% | 3,7% | 6,2% | 51,4% | 6,6% | -23,2% | 38,3% | 151,3% | -54,9% | 61,8% | 17,2% | 479,5% | 91,6% | 7,6% | 2,1% | -9,0% | 27,6% | -11,5% | -0,7% |
| Bán lẻ | 128.203 | 2,5% | | -2,2% | 3,3% | 17,5% | 72,9% | 45,0% | 20,1% | 0,2% | 41,0% | -8,2% | -93,2% | 665,6% | -83,1% | 710,1% | 1534,4% | 528,1% | -3,1% | 513,8% | 24,8% | -15,4% |
| Dầu khí | 81.899 | 1,6% | | -6,4% | -8,8% | 8,1% | 24,4% | 12,2% | 6,3% | -57,4% | 70,6% | -31,2% | 73,2% | -19,5% | -25,7% | 57,2% | 26,8% | -36,7% | -5,1% | 32,2% | 15,1% | -56,2% |
| May mặc và trang sức | 56.018 | 1,1% | | -3,3% | -3,4% | 1,1% | 30,8% | 5,9% | 2,6% | 31,9% | 13,2% | 28,1% | -32,4% | 42,6% | 33,1% | 10,7% | 42,5% | 35,6% | 130,0% | -4,3% | -30,2% | -11,7% |
| Bảo hiểm | 43.985 | 0,8% | | 0,4% | -4,1% | 6,6% | 10,3% | 5,5% | 13,9% | 28,5% | 27,4% | -19,6% | 22,1% | -20,3% | 15,1% | 13,1% | 7,0% | -1,0% | -3,0% | 28,6% | -10,6% | -11,2% |
| Dược phẩm | 35.284 | 0,7% | | -2,2% | -0,6% | 4,5% | 10,9% | 13,3% | 3,8% | 8,4% | 8,0% | 24,2% | 1,9% | -1,4% | -5,3% | -23,4% | -20,7% | -9,8% | 26,8% | -10,0% | -6,1% | -15,9% |
| VN-Index | 5.199.452 | 100% | | -1,6% | 1,6% | 5,9% | 10,7% | 25,9% | 17,0% | -1,2% | 38,3% | 5,0% | -4,5% | 16,9% | 16,2% | 10,5% | 6,2% | 27,8% | -0,3% | 21,8% | -2,9% | 8,4% |

Nguồn: Phòng phân tích Mirae Asset Việt Nam, dữ liệu Bloomberg (cập nhật đến ngày 01/11/2024). Điểm màu đỏ trên đồ thị xu hướng vốn hóa là mức thấp nhất, điểm màu xanh là mức cao nhất. Biến động giá được tính trên cơ sở đo lường sự thay đổi của vốn hóa.

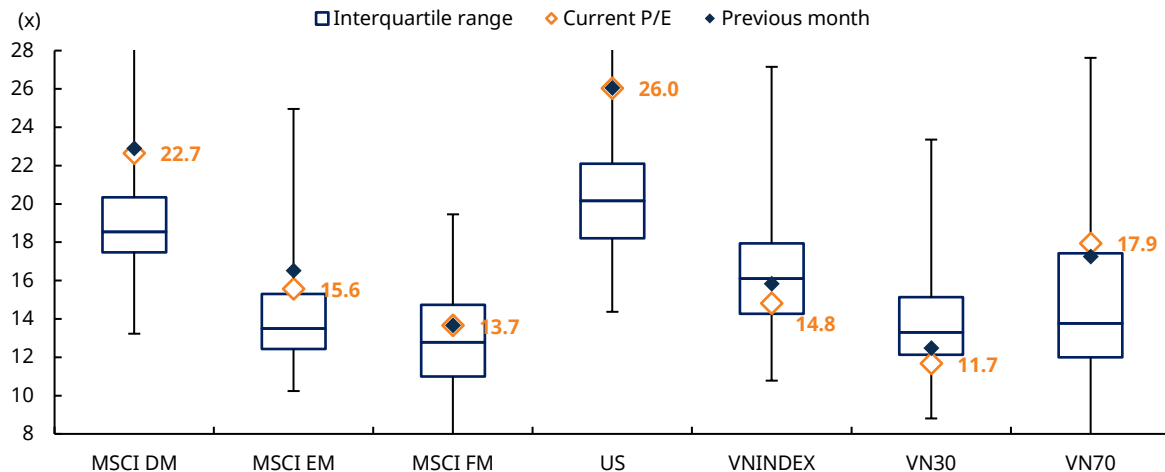
Lưu ý: Số liệu tổng lợi nhuận sau thuế và cổ đông thiểu số (LNST) được chúng tôi tổng hợp từ nguồn báo cáo tài chính của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Định giá

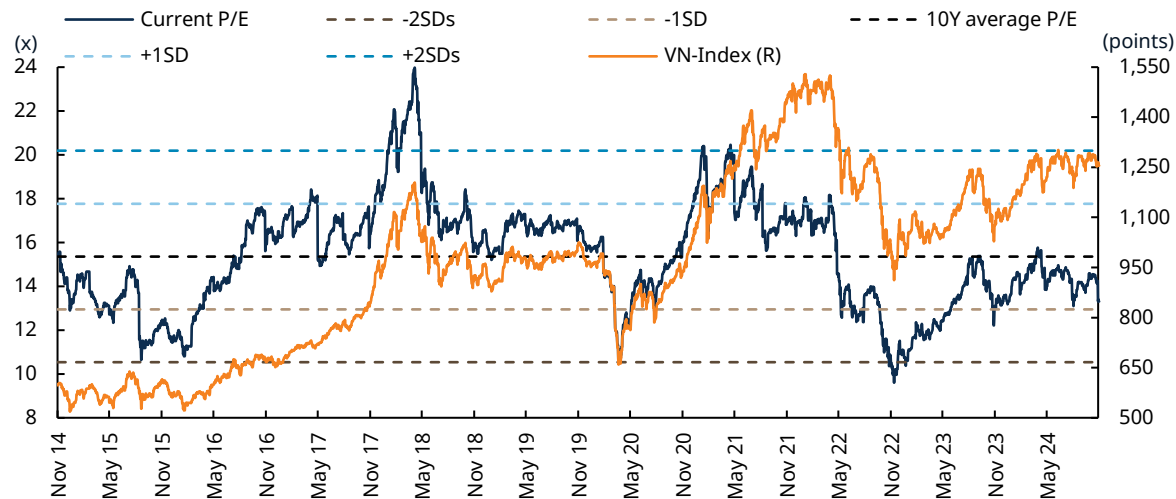
- Sau nhịp điều chỉnh trong tháng 10, hệ số P/E của VN-Index đã giảm đáng kể về biên dưới của tứ phân vị trong biên độ lịch sử 10 năm qua. Sự điều chỉnh trong định giá đồng thời trùng hợp với kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết tại sàn HOSE đã được cải thiện đáng kể trong quý 3/2024, thể hiện qua các chỉ số ROE và EPS toàn thị trường đã phục hồi phần nào so với quý 2.
- Tuy vậy, diễn biến của VN-Index vẫn chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các cổ phiếu thuộc rổ VN30, đặc biệt là các cổ phiếu vốn hóa lớn trong nhóm Ngân hàng. Trong khi đó, định giá của các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ tiếp tục trở nên “đắt” hơn so với tháng trước mặc dù kết quả kinh doanh tương đối kém ấn tượng so với các cổ phiếu blue-chip.
- Hiện tại, hệ số P/E 14,6 của VN-Index vẫn chưa đủ hấp dẫn để thu hút sự tham gia rộng rãi của nhà đầu tư, minh chứng là sáu lần thất bại liên tiếp trong việc vượt qua ngưỡng kháng cự tâm lý 1.300 điểm. Động lực tăng trưởng của thị trường từ đầu năm đến nay chủ yếu tập trung vào cổ phiếu Ngân hàng, cùng với một số cổ phiếu có kết quả kinh doanh đột phá như FPT. Trong khi đó, các ngành khác gặp khó khăn trong việc thu hút dòng vốn, do các động lực tăng trưởng dự kiến từ đầu năm 2024 chưa hoàn toàn trở nên hiện hữu.
- Giai đoạn tích lũy kéo dài của chỉ số kể từ tháng 4, dao động trong khoảng 1.200 đến 1.300 điểm, sẽ là một điểm nghẽn cần phải theo dõi khi động lực bứt phá trong những tháng tới sẽ phụ thuộc nhiều vào triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2025, và được thúc đẩy bởi một số yếu tố chính:**
 - Đẩy mạnh đầu tư công (hiện đạt 52,3% mục tiêu của Thủ tướng Chính phủ trong 10 tháng đầu năm 2024)
 - Phục hồi trong hoạt động tiêu dùng và sản xuất vào năm 2025
 - Nỗ lực kịp thời để đạt được trạng thái nâng hạng thị trường FTSE nhằm thu hút dòng vốn ngoại (dự kiến nâng hạng vào khoảng tháng 9 năm 2025)
 - Ổn định kinh tế vĩ mô toàn cầu sau cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ và việc triển khai chính sách tiếp theo

Hệ số P/E của VN-Index hạ nhiệt với kết quả kinh doanh cải thiện trong quý 3



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024.

VN-Index liên tục gặp khó trước ngưỡng cản tâm lý tại 1.300 điểm



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

| Thị trường | Chỉ số | Giá đóng cửa | Vốn hóa (tỷ USD) | Vốn hóa 1 năm gần nhất | Diễn biến giao dịch | | | | | LTM | | | |
|----------------------------|------------|--------------|------------------|------------------------|---------------------|---------|---------|---------|-------|---------|---------|--------|---------|
| | | | | | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | 1 năm | P/B (x) | P/E (x) | EY (%) | ROE (%) |
| Việt Nam | VNINDEX | 1.264,48 | 206 | | -1,8% | 1,0% | 4,5% | 23,0% | 11,9% | 1,7 | 14,8 | 6,7 | 12,5 |
| MSCI thị trường phát triển | MXWO | 3.647,14 | 75.396 | | -2,0% | 2,1% | 10,3% | 31,7% | 15,1% | 3,5 | 22,4 | 4,5 | 14,0 |
| MSCI thị trường mới nổi | MXEF | 1.119,52 | 21.770 | | -4,4% | 3,2% | 7,0% | 22,3% | 9,4% | 1,8 | 15,6 | 6,4 | 11,1 |
| MSCI thị trường cận biên | MXFM | 537,80 | 416 | | -0,7% | 1,3% | 5,0% | 16,7% | 6,1% | 1,0 | 0,6 | 158,7 | 9,3 |
| Mỹ | S&P 500 | 5.705,45 | 50.055 | | -1,0% | 3,3% | 13,3% | 36,0% | 19,6% | 5,1 | 26,0 | 3,8 | 17,8 |
| Canada | TSX | 24.156,87 | 2.747 | | 0,7% | 4,5% | 11,2% | 28,0% | 15,3% | 2,1 | 19,3 | 5,2 | 9,5 |
| Nhật | Nikkei 225 | 39.081,25 | 4.584 | | 3,1% | -0,1% | 1,8% | 26,6% | 16,8% | 2,0 | 23,5 | 4,3 | 8,5 |
| Trung Quốc | SHCOMP | 3.279,82 | 7.123 | | -1,7% | 11,6% | 5,6% | 8,6% | 10,2% | 0,0 | 15,8 | 6,3 | -2,2 |
| Hồng Kông | Hang Seng | 20.317,33 | 2.972 | | -3,9% | 17,1% | 14,4% | 18,7% | 19,2% | 1,2 | 10,9 | 9,2 | 10,1 |
| Đài Loan | TWSE | 22.820,43 | 2.276 | | 2,7% | 2,8% | 11,9% | 42,6% | 27,3% | 2,5 | 22,9 | 4,4 | 11,4 |
| Hàn Quốc | KOSPI | 2.556,15 | 1.469 | | -1,4% | -7,7% | -5,0% | 12,2% | -3,7% | 0,9 | 13,1 | 7,6 | 6,5 |
| Ấn Độ | SENSEX | 79.389,06 | 1.861 | | -5,8% | -2,9% | 6,6% | 24,3% | 9,9% | 3,8 | 23,8 | 4,2 | 15,9 |
| Indonesia | JCI | 7.574,02 | 811 | | 0,6% | 4,4% | 4,7% | 12,2% | 4,1% | 2,1 | 13,1 | 7,6 | 25,3 |
| Thái Lan | SET | 1.466,04 | 538 | | 1,2% | 11,0% | 7,2% | 6,1% | 3,5% | 1,4 | 17,8 | 5,6 | 7,7 |
| Singapore | STI | 3.558,88 | 409 | | -0,7% | 3,0% | 8,1% | 16,0% | 9,8% | 1,2 | 12,5 | 8,0 | 9,9 |
| Malaysia | FBMKLCI | 1.601,88 | 250 | | -2,9% | -1,5% | 1,6% | 11,1% | 10,1% | 1,4 | 14,8 | 6,8 | 9,3 |
| Philippines | PCOMP | 7.142,96 | 168 | | -1,8% | 7,9% | 6,6% | 19,6% | 10,7% | 1,6 | 12,9 | 7,8 | 12,1 |
| Vương quốc Anh | FTSE 100 | 8.110,10 | 2.705 | | -1,5% | -3,1% | -0,4% | 10,8% | 4,9% | 1,9 | 12,5 | 8,0 | 10,0 |
| Pháp | CAC 40 | 7.350,37 | 2.542 | | -3,7% | -2,4% | -7,9% | 6,7% | -2,6% | 1,8 | 14,7 | 6,8 | 10,8 |
| Đức | DAX | 19.077,54 | 1.845 | | -1,3% | 3,1% | 6,4% | 28,8% | 13,9% | 1,7 | 15,9 | 6,3 | 9,3 |
| Ý | IT 40 | 34.281,24 | 764 | | 0,5% | 1,5% | 1,6% | 23,6% | 12,9% | 1,4 | 8,2 | 12,2 | 14,0 |
| Úc | ASX 200 | 8.160,03 | 1.861 | | -1,3% | 0,8% | 6,5% | 20,3% | 7,5% | 2,4 | 21,0 | 4,8 | 9,0 |
| New Zealand | NZX 50 | 12.638,90 | 224 | | 1,7% | 1,9% | 5,7% | 17,5% | 7,4% | 1,9 | 39,8 | 2,5 | 4,5 |

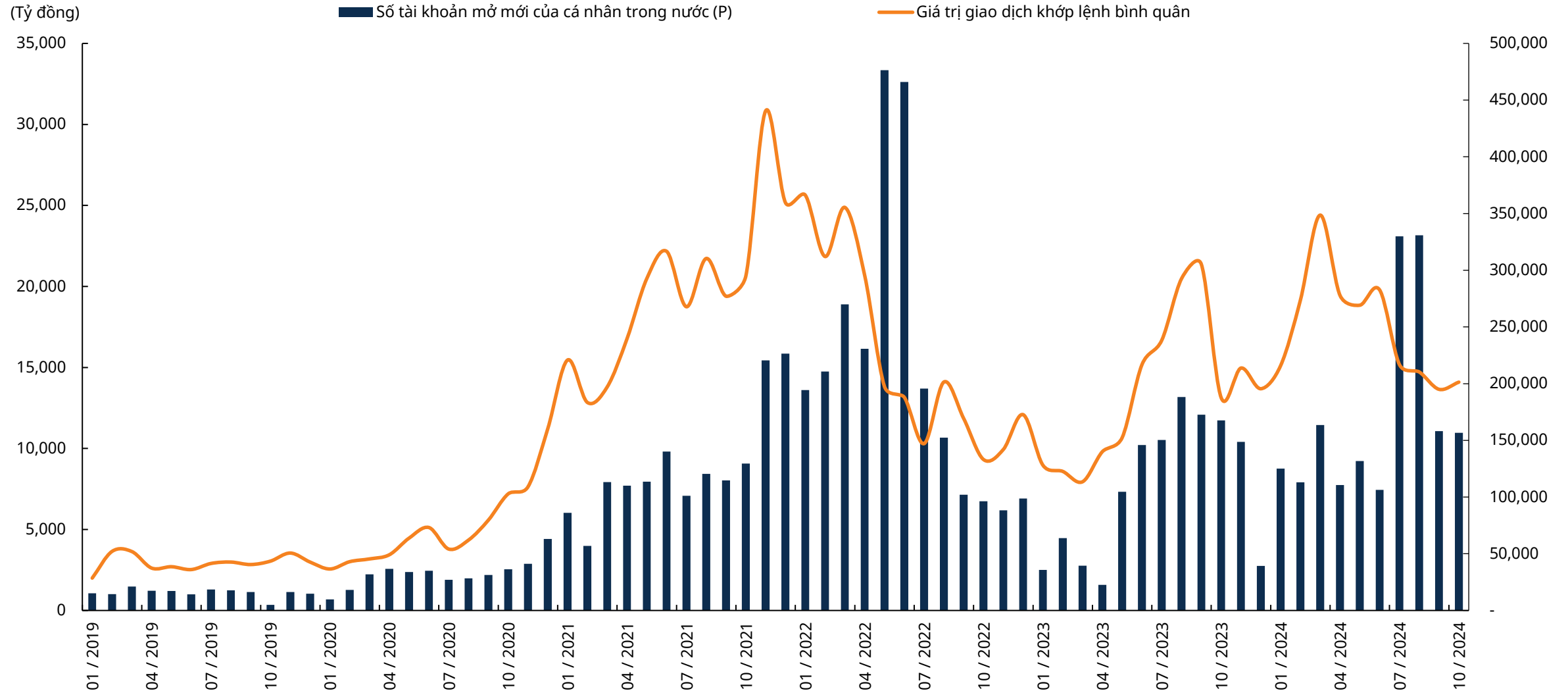
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 30/10/2024

Chứng khoán toàn cầu

- Nhịp điều chỉnh ở thị trường Việt Nam diễn ra đồng thuận với xu hướng chung tại các thị trường chứng khoán trong khu vực, phản ánh diễn biến trái chiều được ghi nhận trên các thị trường châu Á cũng như các thị trường phát triển tại Mỹ và châu Âu.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước tiếp tục mở mới gần 156 nghìn tài khoản chứng khoán trong tháng 10, nâng tổng số tài khoản mở mới từ đầu năm lên gần 1,72 triệu (+58% YoY).



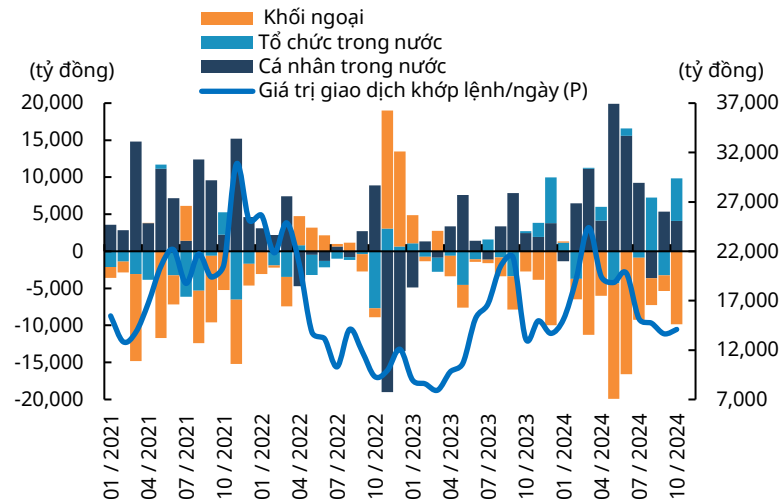
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, dữ liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSD), cập nhật tới 06/11/2024

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Thanh khoản ảm đạm trước các bước ngoặt lớn của 2024

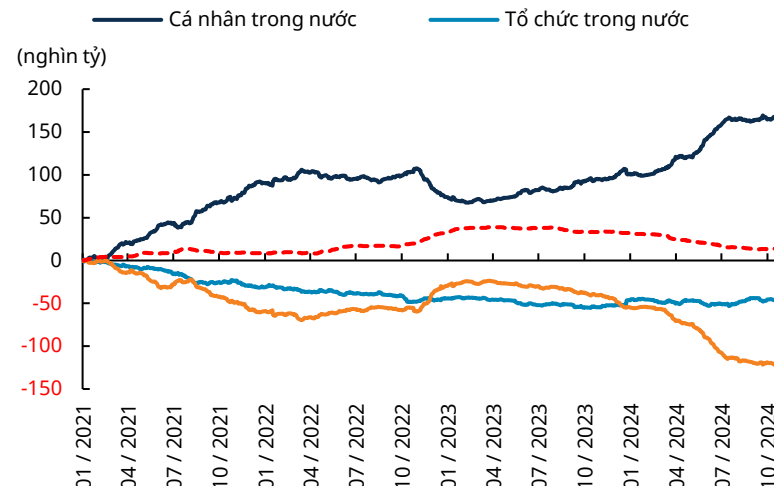
- Thanh khoản là yếu tố đáng chú ý nhất trong tháng 10 khi tâm lý giao dịch tiếp tục trở nên thận trọng trước các bước ngoặt quan trọng của năm 2024 bao gồm Bầu cử Tổng thống Hoa Kỳ, Quyết định lãi suất đến từ Fed hay các yếu tố nội tại của thị trường trong nước như tăng trưởng GDP quý 3 và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp niêm yết trong nước. Trên thực tế, xu hướng suy giảm đối với thanh khoản đã duy trì ở bốn tháng gần nhất với giá trị giao dịch khớp lệnh bình quân trong tháng 10 chỉ đạt khoảng 14 nghìn tỷ đồng (+3,2% MoM), tương đối khiêm tốn so với giá trị giao dịch trung bình 17,8 nghìn tỷ đồng trong 9T2024.
- Một yếu tố đáng chú ý khác là thương vụ bán thỏa thuận với trị giá 5,4 nghìn tỷ đồng của Commonwealth Bank of Australia (CBA) với cổ phiếu VIB trong bối cảnh VIB đã phê duyệt quyết định giảm tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài về 4,99% kể từ ngày 01/07 vừa qua. Đáng lưu ý, CBA trước đó đã thực hiện bán thỏa thuận khoảng 148 triệu cổ phiếu VIB, trị giá 2,6 nghìn tỷ đồng vào ngày 24/09. Lượng cổ phiếu được sang tay từ CBA dự kiến được hấp thụ một phần tại các tổ chức tự doanh tại các công ty chứng khoán (Tự doanh mua thỏa thuận tổng cộng gần 1,5 nghìn tỷ đối với VIB trong giai đoạn từ tháng 9 và tháng 10) và phần còn lại được hấp thụ bởi các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước; tiêu biểu như Unicorn và các cá nhân liên quan.
- Tổng thể, khối ngoại bán ròng 4,43 nghìn tỷ đồng nếu không bao gồm thương vụ thoái vốn 5,4 nghìn tỷ đồng của CBA tại VIB (YTD: -VND76.27tn).
- Exchange-Traded Funds (ETFs) ghi nhận mức rút ròng chỉ 6,6 triệu USD trong tháng 10 (YTD: -760 triệu USD), qua đó phản ánh xu hướng rút ròng của các quỹ ETF đã dần hạ nhiệt so với diễn biến của giai đoạn đầu quý 2 khi tỷ giá liên tục tăng nóng khiến dòng vốn thoái lui khỏi thị trường Việt Nam và tìm về các thị trường có lợi thế thuận lợi hơn về tỷ giá hoặc có tiềm năng tăng trưởng giá tài sản tốt hơn, đơn cử như Hoa Kỳ và Nhật Bản. Dòng vốn rút trong tháng 10 chủ yếu đến từ Fubon FTSE (-9,8 triệu USD), Xtrackers FTSE Vietnam (-7,8 triệu USD), SSIAM VNFIN LEAD (-5,6 triệu USD) và VanEck Vietnam (-3,6 triệu USD). Ngược lại, DCVFMVN Diamond tiếp tục giải ngân 15,1 triệu USD (tháng 9: +9,4 triệu USD) trong tháng 10, cùng với Kim Growth VN30 (+3,3 triệu USD).

Thanh khoản thị trường và mua/bán ròng theo nhóm NĐT



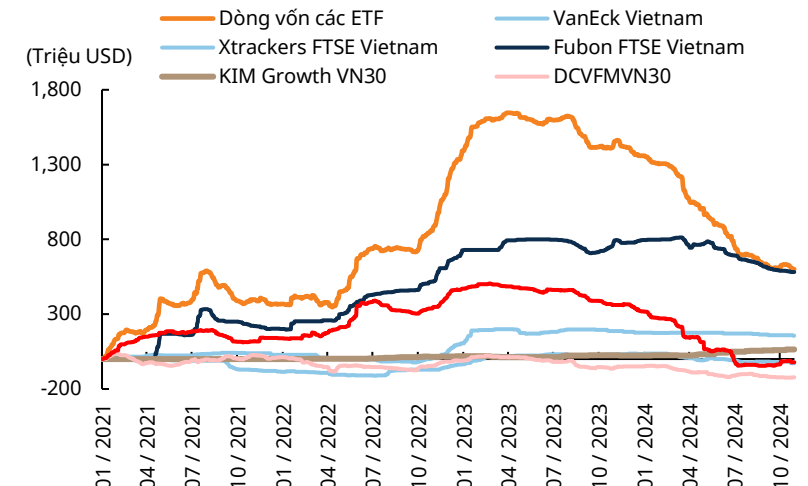
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 01/11/2024.

Lũy kế mức mua/bán ròng từ 2021 theo nhóm nhà đầu tư



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 01/11/2024.

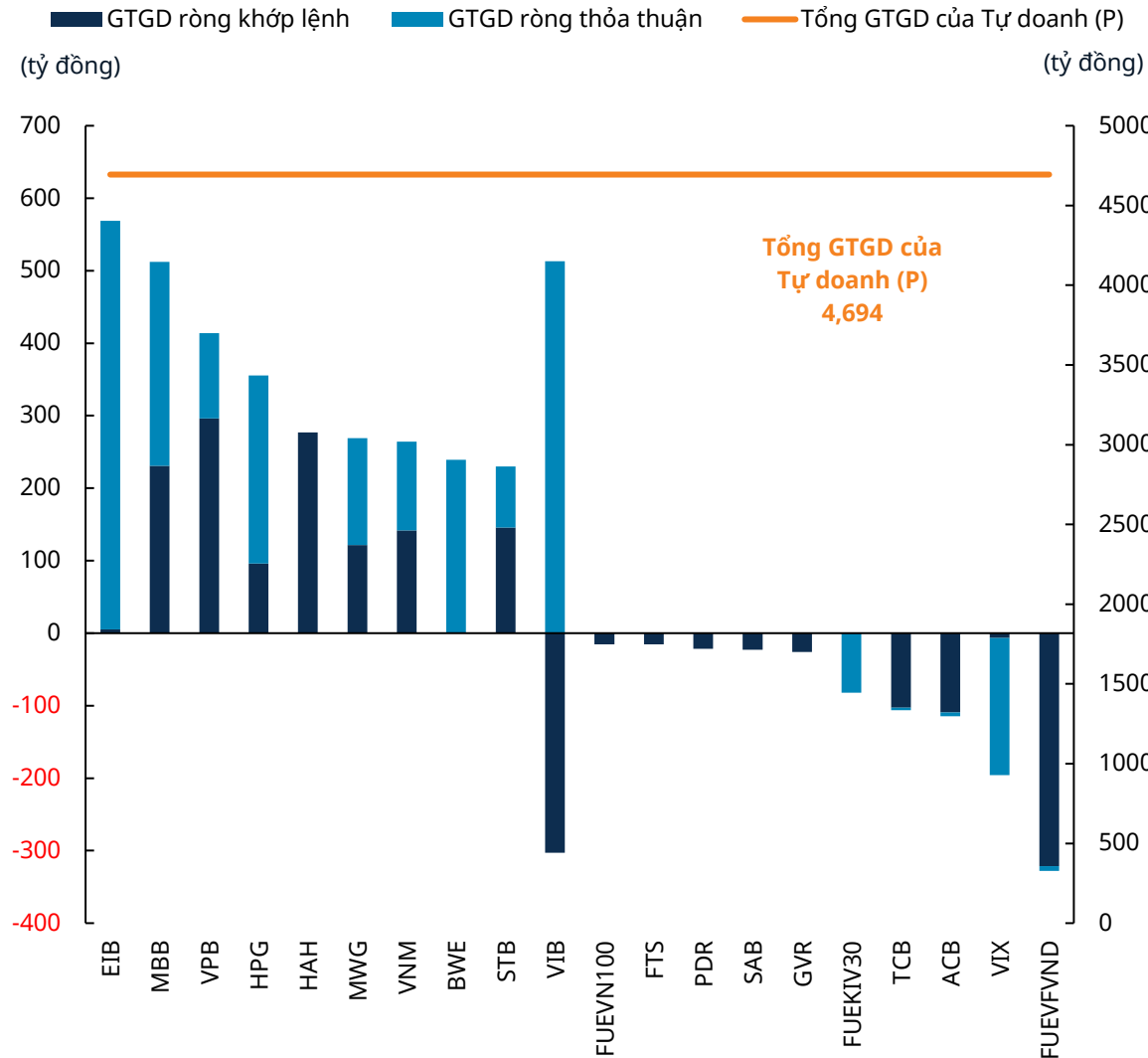
Lũy kế dòng tiền ETF mua/bán ròng từ 2021



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật tới 01/11/2024.

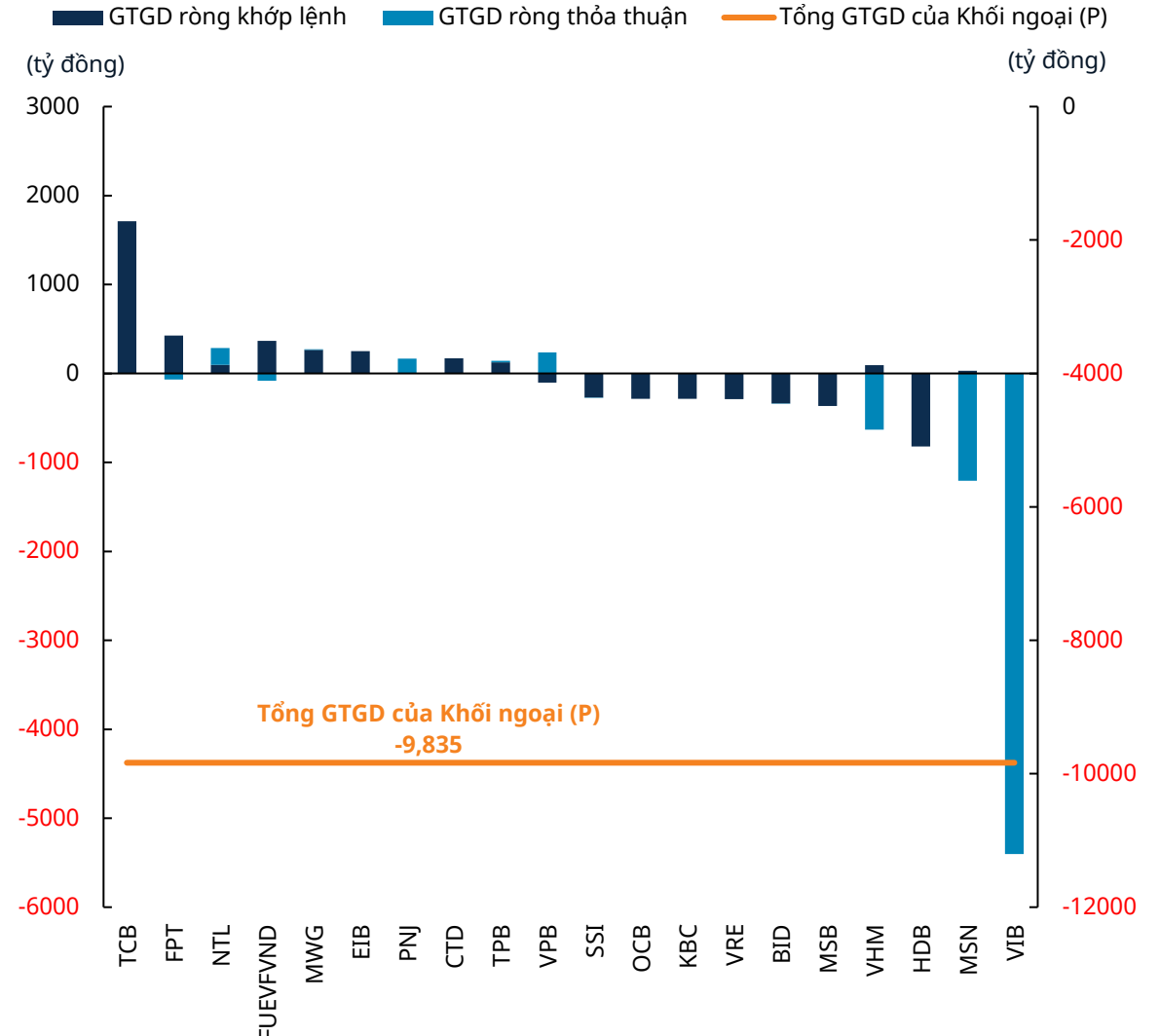
④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Top giá trị giao dịch ròng của Tự doanh trong tháng 10



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 01/11/2024.

Top giá trị giao dịch ròng của khối ngoại trong tháng 10



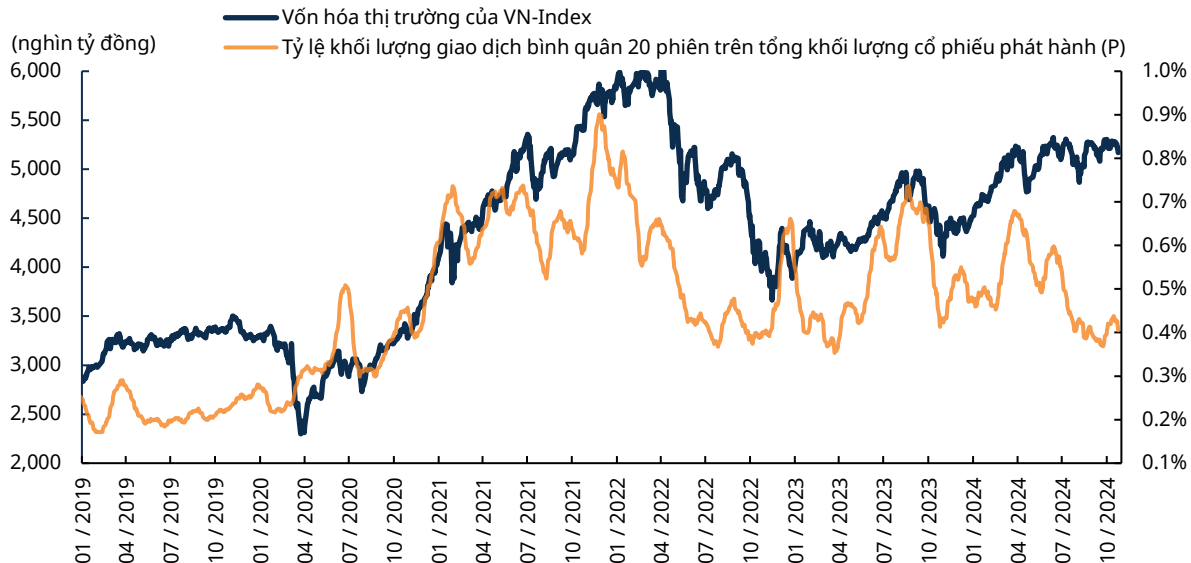
Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 01/11/2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Sự tương quan giữa dư nợ giao dịch ký quỹ và thanh khoản đối với nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước

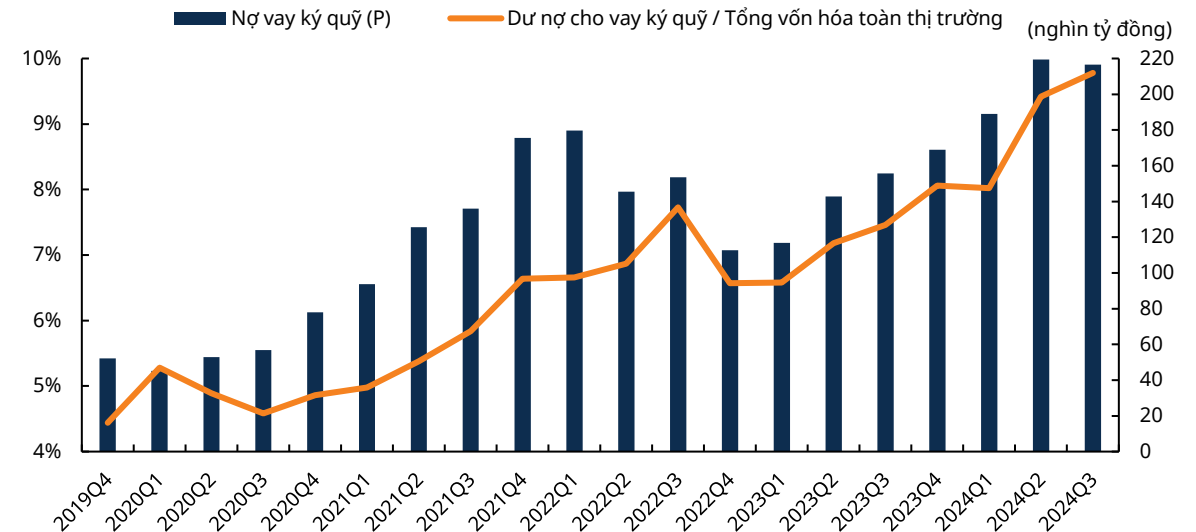
- Tính đến ngày 31/10, đã có hơn 1,7 triệu tài khoản chứng khoán mở mới bởi nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước (+58% YoY). Tuy nhiên, hoạt động giao dịch chung vẫn chưa có sự khởi sắc đáng kể khi thanh khoản đã liên tục giảm sút sau khi đạt đỉnh vào tháng 3 với giá trị khớp lệnh bình quân đạt khoảng 24,4 nghìn tỷ đồng mỗi phiên. Trong cùng thời kỳ, VN-Index đã có ít nhất 6 lần nỗ lực vùng cản tâm lý 1.300 điểm song đều thất bại.
- Dù vậy, dư nợ cho vay ký quỹ trong 9T2024 vẫn có sự tăng trưởng nhất định với tổng dư nợ lần đầu tiên vượt mốc hơn 200 nghìn tỷ đồng vào Q2/2024. Trên thực tế, chúng tôi cho rằng phần lớn dư nợ cho vay ở thời điểm hiện tại được cô đọng phần lớn tại nhóm nhà đầu tư tổ chức hoặc doanh nghiệp tìm đến các công ty chứng khoán để thực hiện các thương vụ cho vay với tài sản thế chấp bằng cổ phiếu trong bối cảnh doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn thông qua kênh trái phiếu doanh nghiệp (73% lượng TPDN phát hành trong 10T2024 đến từ các Ngân hàng Thương mại) hoặc đáp ứng các điều kiện cho vay của ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn.
- Vì thế, rủi ro về các đợt “call margin” chéo giữa các mã cổ phiếu được một lượng lớn NĐT cá nhân trong nước nắm giữ, tuy chưa được xem là rủi ro lớn nhất đối với diễn biến giao dịch ở thời điểm hiện tại nhưng rủi ro trong hoạt động “shadow banking” với các thương vụ cho vay thế chấp bằng cổ phiếu sẽ là yếu tố cần phải theo dõi khi diễn biến giao dịch của VN-Index đang dần có những vết nứt gây của dòng tiền khi tâm lý giao dịch chung không được cải thiện, dẫn đến thiếu đi lực cầu cần thiết nếu áp lực dần trở nên lớn dần và lan rộng đến nhiều nhóm ngành.

Diễn biến đi ngang của VN-Index trong thời gian qua khiến nhà đầu tư trở nên chán nản



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 25/10/2024.

Dư nợ cho vay ký quỹ duy trì ở mức cao trong 9T2024



Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp, Dữ liệu từ FiinPro, cập nhật tới 31/10/2024. Tỷ lệ tròn bẩy là Tỷ lệ nợ vay ký quỹ / Tổng giá trị vốn hóa theo freefloat trên HOSE và HNX.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Từ bất định Đến Hiện hữu

- Bước sang hai tháng cuối cùng của năm 2024, chúng tôi kỳ vọng những bất ổn xoay quanh chính sách lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và kết quả bầu cử tổng thống Mỹ sẽ dần được làm rõ. Điều này sẽ giúp xóa tan những lo ngại về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu cho năm 2025.
- Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 11
 - Kỳ vọng về phản ánh của kết quả kinh doanh quý 3 lên diễn biến giao dịch chung. Sau nhịp điều chỉnh cuối tháng 10, VN-Index đã ổn định quanh mức hỗ trợ 1.250 điểm, với lực cầu được củng cố và bất ngờ tăng vọt khi phản ứng với kết quả bầu cử tổng thống Hoa Kỳ. Tuy nhiên, đợt tăng đầu tháng 11 chưa hẳn là dấu hiệu của sự thay đổi về các yếu tố nội tại, mà thay vào đó chủ yếu phản ánh dòng tiền trong ngắn hạn. Đà tăng này cũng đồng thuận với sự hồi phục của các tài sản rủi ro được cho là sẽ hưởng lợi từ việc tái đắc cử của Tổng thống Donald Trump, như đồng USD, Bitcoin và thị trường chứng khoán nói chung.
 - Thay vào đó, điều chúng tôi kỳ vọng sẽ là quá trình phục hồi trên diện rộng với dòng tiền lan tỏa và đồng thời giảm sự phụ thuộc vào nhóm cổ phiếu Ngân hàng. Báo cáo lợi nhuận quý 3 đã cho thấy những tín hiệu khởi sắc đầu tiên khi lợi nhuận tại một số ngành trọng điểm như Thép và Bán lẻ đã trở lại mức bình thường trước COVID. Trong hai tháng còn lại của năm, chúng tôi dự kiến VN-Index sẽ giao dịch trong khoảng 1.250-1.300 điểm, với xu hướng tích lũy hướng tới mốc 1.300 điểm. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên cảnh giác với áp lực chốt lời tiềm ẩn trong vùng kháng cự tại 1.300-1.330 điểm.
- Dưới nhiệm kỳ thứ hai của Tổng thống Trump, bất động sản công nghiệp được dự đoán sẽ hưởng lợi từ chiến lược đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu mang tên "Trung Quốc + 1", nhưng tác động đến dòng vốn FDI đối với thị trường Việt Nam dự kiến sẽ duy trì xu hướng ổn định trước đó.
 - Xu hướng này cho thấy các tập đoàn đa quốc gia ngày càng chuyển hướng sang Việt Nam như một trung tâm sản xuất thay thế, nhằm giảm thiểu rủi ro từ các biện pháp phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ nhắm vào Trung Quốc. Tuy nhiên, chúng tôi không kỳ vọng về sự gia tăng đột ngột của dòng vốn FDI ngay sau khi chính quyền mới của Hoa Kỳ nhậm chức. Thay vào đó, dòng vốn FDI vào Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì quỹ đạo hiện tại và tiếp tục được hỗ trợ bởi chiến lược dài hạn mang tên "Trung Quốc + 1".
 - Triển vọng dài hạn cho việc thu hút FDI sẽ phụ thuộc rất nhiều vào lợi thế cạnh tranh Việt Nam so với các đối thủ trong khu vực, đặc biệt là ở các cường quốc kinh tế mới nổi như Ấn Độ, Indonesia và Malaysia. Bối cảnh cạnh tranh này sẽ được định hình bởi các yếu tố bao gồm chi phí lao động, năng suất, chất lượng cơ sở hạ tầng và các chính sách nhằm thu hút dòng vốn FDI.
 - Trong khi đó, chúng tôi dự đoán rằng các tác động thực tế sẽ dần hiện hữu vào năm 2025 khi các chính sách mới của Tổng thống Trump được chính thức phê duyệt và thực thi, trong đó tăng trưởng xuất khẩu năm 2025 có khả năng đối mặt với những trở ngại từ các mức thuế nhập khẩu mới khi cạnh tranh với các sản phẩm nội địa Hoa Kỳ hoặc có khả năng chịu mức thuế bình quân cao hơn đối với hàng hóa được cho là có nguồn gốc từ Trung Quốc.
- Rủi ro cần theo dõi
 - Lộ trình hạ lãi suất của Fed và áp lực tỷ giá ở Việt Nam trong hai tháng cuối năm 2024. Các yếu tố có thể làm chậm quá trình cắt giảm lãi suất của Fed trong năm 2025 bao gồm lạm phát dai dẳng (với cả CPI cốt lõi và PCE ổn định trong bốn tháng qua), tỷ lệ thất nghiệp ổn định cùng với việc tiếp tục tạo việc làm, tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp mạnh mẽ, tăng trưởng GDP ổn định, và tăng trưởng bán lẻ tiếp tục, mặc dù ở tốc độ chậm lại.
 - Trái phiếu doanh nghiệp. Theo VIS Ratings, tổng dư nợ trái phiếu doanh nghiệp trễ hạn thanh toán tích lũy trong giai đoạn T4/2022 đến T9/2024 trên toàn thị trường đạt khoảng 189 nghìn tỷ đồng. Phần lớn các trái phiếu bị trì hoãn thanh toán này đã được gia hạn thời hạn thanh toán bình quân 21 tháng và tối đa 24 tháng theo Nghị định 08/2023/NĐ-CP. Chúng tôi dự đoán rằng áp lực từ lượng trái phiếu trễ hạn sẽ trở lại sau khi thời gian ân hạn kết thúc, gây áp lực đến thị trường trái phiếu trong các tháng còn lại của 2024 và dự kiến sẽ kéo dài sang 2025. Ngoài ra, thống kê của VIS Ratings cho thấy khoảng 42 nghìn tỷ đồng trong số 240 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới có nguy cơ cao chậm trả nợ gốc, trong đó 47% số trái phiếu rủi ro cao này thuộc về lĩnh vực Bất động sản Nhà ở. Mặc dù đây vẫn là một rủi ro cần theo dõi, nhưng rủi ro thanh khoản đối với hệ thống ngân hàng, như đã thấy vào năm 2022, chưa hoàn toàn hiện hữu, vì các ngân hàng thương mại đã chủ động tăng vốn cấp 2 để tái cơ cấu các khoản vay rủi ro cao trong suốt năm 2024.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|-------------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|---------|---------|--------|--------------------------------|------|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| VN-Index | | 5.292.623 | 1.287,94 | 1.297,39 | 1.042,40 | -1,82 | 1,04 | 4,54 | 8,6 | 23,0 | 14,6 | 1,7 | 12,5 | 17,01 | 23,91 |
| VN30 Index | | 3.716.050 | 1.352,56 | 1.354,91 | 1.047,63 | -1,03 | 3,04 | 7,91 | 14,8 | 28,8 | 11,5 | 1,6 | 14,8 | 20,42 | 15,06 |
| VN70 Index | | 1.032.683 | 1.943,23 | 2.010,65 | 1.485,14 | -2,81 | 0,44 | 4,28 | 7,7 | 30,8 | 17,7 | 1,5 | 8,8 | 14,26 | 34,72 |
| VNFinLead Index | | 2.254.777 | 2.146,72 | 2.154,30 | 1.674,49 | -0,73 | 6,11 | 7,10 | 10,4 | 28,6 | 8,5 | 1,3 | 15,3 | 19,46 | 11,10 |
| Ngân hàng | VCB | 514.196 | 92.000 | 98.000 | 80.300 | 1,74 | 4,93 | 2,63 | 5,76 | 7,83 | 16,0 | 2,7 | 19,8 | 23,3 | 6,7 |
| | BID | 283.312 | 49.700 | 55.500 | 35.584 | -3,92 | 0,32 | -2,95 | 0,10 | 33,85 | 11,7 | 2,1 | 18,9 | 17,0 | 13,0 |
| | CTG | 198.421 | 36.950 | 37.200 | 24.745 | -3,38 | 11,56 | 8,84 | 12,97 | 44,01 | 8,8 | 1,4 | 16,5 | 26,6 | 3,5 |
| | TCB | 170.490 | 24.200 | 25.250 | 14.050 | -1,24 | 2,80 | 2,58 | 38,35 | 72,56 | 7,5 | 1,2 | 16,8 | 22,2 | 0,3 |
| | VPB | 159.472 | 20.100 | 22.500 | 17.800 | 1,74 | 7,63 | 10,24 | 5,41 | 2,25 | 12,0 | 1,1 | 10,8 | 25,4 | 4,6 |
| | MBB | 136.373 | 25.700 | 25.800 | 17.000 | -2,53 | 2,66 | 12,58 | 15,17 | 46,49 | 6,1 | 1,2 | 22,0 | 23,2 | 0,0 |
| | ACB | 115.016 | 25.750 | 26.000 | 18.522 | -1,36 | 3,46 | 8,79 | 13,44 | 36,50 | 6,9 | 1,4 | 22,3 | 30,0 | 0,0 |
| | HDB | 82.134 | 28.200 | 28.400 | 16.900 | -4,61 | 2,28 | 13,98 | 23,39 | 56,40 | 5,8 | 1,5 | 28,1 | 17,9 | 2,1 |
| | LPB | 81.716 | 31.950 | 32.800 | 13.650 | 3,13 | 13,04 | 57,66 | 86,69 | 124,91 | 8,6 | 2,1 | 28,8 | 0,5 | 4,5 |
| | STB | 62.872 | 33.350 | 33.650 | 26.300 | 5,55 | 21,38 | 24,82 | 17,73 | 30,37 | 7,5 | 1,3 | 18,4 | 23,5 | 6,5 |
| | VIB | 57.497 | 19.300 | 21.154 | 15.043 | -1,81 | 4,58 | 5,08 | 6,85 | 23,86 | 7,8 | 1,4 | 19,3 | 5,3 | -0,3 |
| | SSB | 48.337 | 17.050 | 22.536 | 15.200 | -2,93 | -13,76 | -14,55 | -17,90 | -27,13 | 10,2 | 1,4 | 15,0 | 0,1 | 4,9 |
| | TPB | 45.442 | 17.200 | 17.450 | 13.333 | 0,58 | 14,38 | 15,98 | 16,30 | 31,39 | 9,2 | 1,2 | 14,2 | 30,0 | 0,0 |
| | SHB | 40.287 | 11.000 | 12.500 | 10.150 | -3,64 | -4,93 | -7,42 | -8,62 | 4,95 | 5,0 | 0,7 | 14,6 | 2,9 | 27,1 |
| EIB | 35.019 | 18.800 | 18.900 | 15.514 | 6,12 | 17,29 | 18,92 | 13,85 | 26,69 | 13,2 | 1,5 | 11,8 | 3,2 | 26,8 | |
| MSB | 33.930 | 13.050 | 13.150 | 9.423 | -5,36 | 9,59 | 18,05 | 18,05 | 31,06 | 7,1 | 0,9 | 13,3 | 28,6 | 1,4 | |
| OCB | 29.836 | 12.100 | 13.500 | 10.250 | -5,37 | -5,24 | 0,66 | -7,47 | 7,76 | 17,1 | 0,9 | 7,4 | 19,9 | 2,1 | |
| Dịch vụ tài chính | SSI | 54.753 | 27.900 | 31.541 | 22.127 | -4,66 | 3,96 | -6,08 | -3,90 | 28,38 | 16,8 | 2,1 | 12,6 | 42,5 | 57,5 |
| | VND | 23.215 | 15.250 | 21.829 | 14.100 | -4,59 | -6,43 | -19,79 | -24,02 | 1,62 | 8,8 | 1,1 | 13,0 | 12,2 | 87,8 |
| | HCM | 21.788 | 30.950 | 31.450 | 18.061 | -6,95 | 13,61 | 6,47 | 8,68 | 69,91 | 20,5 | 2,0 | 10,9 | 45,2 | 3,8 |
| | VCI | 21.083 | 36.700 | 41.846 | 26.846 | -5,59 | 1,22 | -4,16 | 5,00 | 38,17 | 24,2 | 2,3 | 10,2 | 18,4 | 81,6 |
| | VIX | 17.502 | 12.000 | 14.131 | 8.432 | -8,75 | -2,67 | -2,51 | -5,86 | 36,33 | 16,4 | 1,0 | 6,0 | 4,7 | 95,3 |
| | FTS | 14.072 | 46.000 | 47.850 | 24.857 | -9,13 | 12,37 | 7,38 | 22,17 | 80,62 | 28,7 | 3,3 | 11,9 | 30,4 | 69,6 |
| | SHS | 12.685 | 15.600 | 21.400 | 13.800 | -8,97 | -12,35 | -22,40 | -22,40 | 10,08 | 12,0 | 1,0 | 9,1 | 4,5 | 44,5 |
| | EVF | 8.592 | 11.296 | 18.102 | 10.324 | -3,95 | -9,16 | -10,89 | -27,22 | 6,53 | 17,9 | 0,9 | 7,0 | 0,8 | 14,2 |
| Bảo hiểm | BVH | 31.809 | 42.850 | 47.100 | 38.550 | 0,35 | -1,38 | 9,00 | 6,17 | 10,54 | 16,6 | 1,4 | 8,9 | 26,6 | 22,4 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 31/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|-----------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|---------|---------|--------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Nguyên vật liệu | HPG | 168.541 | 26.350 | 29.950 | 20.909 | 2,09 | -1,10 | 4,19 | 6,63 | 28,65 | 14,5 | 1,5 | 11,5 | 22,0 | 27,0 |
| | GVR | 143.000 | 35.750 | 39.000 | 18.000 | -7,97 | -0,30 | 9,67 | 46,88 | 94,67 | 47,5 | 2,6 | 6,8 | 0,4 | 12,6 |
| | DGC | 43.864 | 115.500 | 132.000 | 81.500 | -2,77 | 0,27 | -5,47 | 24,23 | 42,15 | 15,2 | 3,1 | 21,4 | 17,8 | 31,2 |
| | DCM | 20.382 | 38.500 | 40.250 | 27.000 | -2,47 | 1,21 | 22,31 | 18,64 | 39,07 | 15,6 | 2,0 | 14,3 | 7,3 | 41,7 |
| | DPM | 13.931 | 35.600 | 41.000 | 30.500 | -2,95 | -2,12 | 9,34 | 5,50 | 21,65 | 20,2 | 1,2 | 5,8 | 7,9 | 41,1 |
| | HSG | 13.120 | 21.300 | 25.800 | 17.200 | -4,93 | -7,11 | 4,38 | -11,57 | 19,12 | 25,3 | 1,1 | 4,7 | 10,9 | 38,2 |
| | PHR | 8.130 | 60.000 | 64.800 | 44.000 | -5,00 | -0,18 | 0,88 | 11,33 | 36,36 | 19,9 | 2,0 | 10,4 | 18,1 | 30,9 |
| | NKG | 5.818 | 22.100 | 27.200 | 17.950 | -6,56 | -8,63 | -5,71 | -14,67 | 18,00 | 12,4 | 1,0 | 8,0 | 7,8 | 42,2 |
| | AAA | 3.704 | 9.690 | 12.600 | 8.180 | -9,18 | -24,46 | -10,02 | -12,87 | 10,00 | 8,6 | 0,6 | 7,2 | 2,2 | 97,8 |
| | DHC | 2.990 | 37.150 | 47.400 | 36.000 | -4,17 | -8,95 | -6,32 | -15,84 | -6,68 | 10,9 | 1,5 | 13,7 | 39,3 | 10,7 |
| Bất động sản | VHM | 186.367 | 42.800 | 47.500 | 34.000 | -3,04 | 13,08 | 1,72 | 0,00 | 6,41 | 9,0 | 0,9 | 11,0 | 13,6 | 36,4 |
| | VIC | 160.594 | 42.000 | 48.200 | 39.750 | -1,07 | -1,77 | -6,52 | -2,24 | 2,59 | N/A | 1,2 | 7,5 | 10,2 | 37,8 |
| | BCM | 72.657 | 70.200 | 74.000 | 51.700 | -4,42 | -8,08 | 28,05 | 2,76 | 14,51 | 26,8 | 3,6 | 15,3 | 2,0 | 32,0 |
| | VRE | 43.401 | 19.100 | 27.550 | 16.800 | -6,54 | -4,03 | -20,49 | -20,49 | -19,59 | 10,0 | 1,0 | 10,5 | 21,2 | 27,8 |
| | KDH | 35.376 | 35.364 | 35.455 | 25.955 | -5,27 | 1,66 | 5,29 | 19,26 | 28,85 | 63,5 | 2,0 | 2,9 | 36,9 | 13,1 |
| | KBC | 21.549 | 11.050 | 18.950 | 10.750 | -4,98 | -11,39 | -31,15 | -37,13 | -18,60 | N/A | 0,6 | -7,5 | 19,2 | 29,8 |
| | NVL | 21.646 | 28.200 | 35.850 | 24.200 | -6,74 | -3,66 | -9,31 | -13,06 | 3,14 | 49,3 | 1,2 | 2,4 | 4,6 | 44,4 |
| | PDR | 19.646 | 22.500 | 29.995 | 16.750 | -6,44 | 10,79 | -11,91 | -16,79 | 11,21 | N/A | 1,7 | 4,5 | 7,3 | 42,7 |
| | VPI | 16.959 | 58.400 | 58.500 | 43.417 | -0,68 | -0,85 | 17,97 | 26,09 | 31,82 | 146,7 | 4,2 | 6,6 | 1,6 | 47,5 |
| | NLG | 15.988 | 41.550 | 45.150 | 32.050 | -4,09 | -3,16 | 5,15 | 3,51 | 31,52 | 482,0 | 1,7 | 3,2 | 48,6 | 1,4 |
| | SIP | 15.032 | 71.400 | 85.391 | 45.043 | 3,78 | -0,94 | 5,20 | 9,95 | 67,09 | 17,7 | 4,2 | 28,2 | 2,4 | 46,6 |
| | DXG | 12.036 | 16.700 | 20.450 | 12.200 | -0,60 | 19,86 | 2,79 | -10,27 | 5,29 | 71,3 | 1,1 | 1,3 | 18,3 | 31,7 |
| | CEO | 8.647 | 16.000 | 23.143 | 13.300 | -5,63 | -1,95 | -12,40 | -25,91 | -19,52 | 46,6 | 1,3 | 2,8 | 5,2 | 43,8 |
| | KOS | 8.151 | 37.650 | 40.600 | 36.500 | 2,66 | -2,52 | 2,38 | -1,65 | 0,26 | 265,3 | 3,6 | 1,3 | 0,2 | 48,8 |
| | SJS | 7.882 | 69.200 | 81.000 | 55.100 | -7,37 | 0,94 | -7,77 | -5,74 | 12,46 | 32,1 | 2,5 | 8,2 | 0,7 | 49,3 |
| | SZC | 6.776 | 37.650 | 44.950 | 28.078 | 3,45 | 1,30 | -3,11 | -0,13 | 48,96 | 25,7 | 2,5 | 11,6 | 3,0 | 17,0 |
| | HHV | 5.252 | 12.150 | 15.619 | 10.000 | -3,70 | 4,00 | -2,89 | -20,23 | 3,29 | 18,8 | 0,6 | 4,5 | 7,9 | 41,1 |
| | HDC | 4.807 | 26.950 | 29.087 | 22.478 | -3,34 | 5,48 | 5,11 | 3,82 | 8,01 | 35,6 | 2,0 | 5,4 | 2,9 | 46,1 |
| | ASM | 3.454 | 9.330 | 11.909 | 7.555 | -5,89 | -8,73 | -12,60 | -6,69 | 20,73 | 14,7 | 0,6 | 3,7 | 12,5 | 36,5 |
| | AGG | 2.604 | 16.650 | 25.360 | 15.760 | -5,71 | -15,59 | -9,56 | -19,57 | -21,50 | 7,9 | 0,8 | 10,4 | 1,0 | 49,0 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 31/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|----------------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|---------|---------|--------|--------------------------------|-----|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Xây dựng cơ bản | REE | 31.369 | 66.600 | 72.300 | 46.696 | -3,75 | -7,90 | 19,67 | 31,63 | 40,14 | 16,7 | 1,6 | 10,4 | 49,0 | 0,0 |
| | VGC | 19.548 | 43.600 | 60.200 | 40.700 | -6,42 | -9,83 | -19,69 | -21,99 | -3,66 | 32,5 | 2,3 | 7,1 | 3,7 | 45,3 |
| | IDC | 19.008 | 57.600 | 66.000 | 43.600 | -2,78 | -5,08 | -0,36 | 5,66 | 31,76 | 8,7 | 3,6 | 45,2 | 23,5 | 25,5 |
| | GEX | 18.693 | 21.750 | 25.350 | 18.550 | -6,21 | -10,33 | 0,00 | -5,12 | 17,92 | 69,3 | 1,3 | 8,0 | 7,1 | 42,9 |
| | HUT | 14.726 | 16.500 | 24.500 | 15.300 | -1,82 | -3,57 | -4,14 | -15,63 | -2,41 | N/A | 1,6 | 0,9 | 1,6 | 48,4 |
| | CTR | 14.458 | 126.400 | 161.800 | 72.600 | 0,32 | 0,63 | 2,26 | 38,88 | 78,34 | 27,0 | 8,5 | 30,2 | 9,6 | 39,4 |
| | DIG | 14.149 | 23.200 | 33.900 | 20.000 | -11,42 | -15,95 | -26,08 | -24,17 | 1,73 | 84,4 | 1,7 | 0,4 | 5,0 | 44,1 |
| | TCH | 12.128 | 18.150 | 21.100 | 10.900 | -11,02 | -10,77 | 0,94 | 22,35 | 59,11 | 10,9 | 1,1 | 10,7 | 5,8 | 45,2 |
| | VCG | 11.224 | 18.750 | 23.482 | 16.400 | -5,33 | -1,93 | -10,25 | -22,19 | 4,63 | 13,2 | 1,3 | 10,8 | 6,6 | 42,4 |
| | BMP | 9.709 | 118.600 | 127.900 | 81.100 | 13,41 | 38,95 | 23,39 | 30,33 | 71,34 | 10,6 | 3,7 | 34,4 | 85,2 | 14,8 |
| | HDG | 9.400 | 27.950 | 33.000 | 22.318 | -4,65 | -4,99 | 10,00 | 11,89 | 16,33 | 14,4 | 1,5 | 11,2 | 14,8 | 35,2 |
| | PC1 | 9.019 | 25.217 | 27.739 | 19.206 | -7,59 | -7,27 | 3,68 | -10,37 | 30,04 | 19,9 | 1,6 | 8,1 | 13,0 | 37,0 |
| | CTD | 6.376 | 63.800 | 77.600 | 47.800 | 5,33 | 3,38 | 1,36 | -0,44 | 32,81 | 24,5 | 0,8 | 3,9 | 49,0 | 0,0 |
| | BCG | 5.757 | 6.540 | 9.318 | 6.310 | -2,60 | -8,64 | -13,06 | -15,27 | -0,04 | 25,3 | 0,6 | 2,4 | 1,4 | 48,6 |
| Thực phẩm và Đồ uống | VNM | 146.506 | 70.100 | 76.000 | 64.000 | -5,71 | -7,68 | 1,69 | -1,34 | -2,79 | 15,8 | 4,4 | 27,7 | 51,8 | 48,2 |
| | MSN | 108.883 | 75.700 | 81.100 | 56.000 | 1,19 | 3,37 | 13,99 | 18,94 | 31,62 | 90,5 | 3,6 | 4,8 | 28,3 | 20,7 |
| | SAB | 74.132 | 57.800 | 73.300 | 52.000 | -4,50 | -0,36 | 1,47 | -1,95 | -2,65 | 16,6 | 2,9 | 17,2 | 60,7 | 39,3 |
| | VHC | 16.228 | 72.300 | 78.500 | 56.083 | -1,38 | 0,14 | -3,65 | 11,93 | 35,81 | 17,6 | 1,9 | 10,4 | 28,8 | 71,2 |
| | KDC | 14.954 | 51.600 | 61.056 | 51.000 | -1,74 | -13,04 | -11,91 | -10,18 | -13,43 | N/A | 2,1 | -6,7 | 20,5 | 29,5 |
| | HAG | 11.473 | 10.850 | 15.300 | 7.730 | -4,61 | -14,81 | -16,53 | -27,11 | 28,89 | 6,2 | 1,3 | 25,8 | 2,2 | 46,8 |
| | DBC | 9.705 | 29.000 | 31.702 | 16.561 | -3,45 | 9,16 | 16,24 | 23,52 | 80,32 | 15,5 | 1,4 | 9,6 | 9,6 | 39,5 |
| | SBT | 9.552 | 12.900 | 14.850 | 10.800 | -3,88 | -3,88 | 13,76 | -7,46 | -4,62 | 14,5 | 0,9 | 6,4 | 21,8 | 78,2 |
| | PAN | 4.930 | 23.600 | 25.450 | 17.550 | 3,60 | 7,00 | 14,79 | 15,60 | 39,71 | 9,0 | 1,0 | 11,9 | 19,1 | 29,9 |
| Tiện ích | GAS | 171.484 | 73.200 | 88.725 | 72.059 | -3,69 | -10,00 | -2,16 | -4,63 | -6,12 | 15,0 | 2,8 | 18,5 | 1,8 | 47,2 |
| | POW | 30.679 | 13.100 | 15.350 | 10.450 | -8,78 | -11,15 | 13,81 | 5,29 | 12,74 | 18,5 | 0,9 | 4,3 | 3,7 | 45,3 |
| | BWE | 9.985 | 45.400 | 47.900 | 35.044 | -0,88 | 5,76 | 22,00 | 20,14 | 17,93 | 18,5 | 1,9 | 10,9 | 12,0 | 37,0 |
| | NT2 | 5.700 | 19.800 | 26.600 | 19.200 | -4,04 | -5,00 | -11,21 | -26,07 | -16,11 | 24,5 | 1,3 | 5,3 | 13,2 | 35,8 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 31/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

④ Thị trường chứng khoán Việt Nam (Tiếp theo)

Tổng hợp thông tin các cổ phiếu theo dõi (tiếp theo)

| Ngành | Mã cổ phiếu | Vốn hóa (tỷ đồng) | Giá (VNĐ) | | | Biến động giá (%) | | | | | Chỉ số định giá (12T gần nhất) | | | Sở hữu khối ngoại | |
|----------------------|-------------|-------------------|--------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|---------|---------|-------|--------------------------------|------|---------|-------------------|-------------|
| | | | Giá đóng cửa | Cao nhất 52 tuần | Thấp nhất 52 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 9 tháng | 1 năm | P/E | P/B | ROE (%) | Hiện tại (%) | Còn lại (%) |
| Đầu khí | PLX | 56.541 | 44.500 | 51.400 | 32.850 | -7,64 | -10,46 | 15,13 | 18,79 | 28,84 | 17,1 | 2,0 | 11,9 | 17,7 | 2,3 |
| | PVS | 19.405 | 40.600 | 48.000 | 33.500 | -6,90 | -6,90 | -4,79 | 3,00 | 14,55 | 16,9 | 1,4 | 8,3 | 21,4 | 27,6 |
| | PVD | 15.398 | 27.700 | 33.500 | 24.500 | -7,40 | -7,40 | -13,78 | -6,90 | 8,92 | 23,9 | 0,9 | 4,5 | 12,5 | 36,5 |
| | PVT | 9.951 | 27.950 | 32.700 | 21.409 | 0,54 | -1,23 | 13,08 | 19,11 | 40,82 | 11,4 | 1,3 | 15,2 | 12,8 | 36,2 |
| May mặc và trang sức | PNJ | 33.385 | 98.800 | 107.500 | 72.600 | -4,05 | -2,37 | -0,21 | 3,61 | 31,67 | 15,5 | 3,0 | 20,2 | 49,0 | 0,0 |
| | PTB | 4.063 | 60.700 | 75.000 | 53.600 | 3,79 | -7,76 | -2,02 | 16,88 | 20,46 | 12,9 | 1,5 | 11,9 | 24,4 | 0,6 |
| Bán lẻ | MWG | 99.556 | 68.100 | 70.800 | 37.600 | -2,35 | 4,23 | 21,13 | 47,78 | 76,39 | 27,3 | 3,6 | 11,8 | 47,5 | 1,5 |
| | FRT | 24.251 | 178.000 | 186.100 | 86.400 | -2,36 | 0,58 | 7,95 | 51,66 | 99,77 | 220,1 | 12,9 | 6,0 | 37,3 | 11,7 |
| | DGW | 10.174 | 46.850 | 53.462 | 34.769 | -8,11 | -5,78 | -5,14 | 3,45 | 33,09 | 23,4 | 3,3 | 14,4 | 23,5 | 25,5 |
| Phần mềm và dịch vụ | FPT | 196.430 | 134.500 | 139.600 | 73.913 | 1,04 | 5,68 | 26,85 | 63,31 | 88,30 | 26,1 | 6,6 | 28,1 | 46,3 | 2,7 |
| | CMG | 9.672 | 50.800 | 71.000 | 34.945 | 2,17 | -5,64 | 16,24 | 30,08 | 50,57 | 29,3 | 3,5 | 12,4 | 43,3 | 6,7 |
| Vận tải | VJC | 56.869 | 105.000 | 119.600 | 95.600 | 0,00 | -0,85 | 0,96 | 0,38 | 6,06 | N/A | 3,4 | 8,5 | 13,4 | 16,6 |
| | GMD | 24.218 | 66.431 | 74.778 | 51.527 | -1,70 | -4,16 | -8,94 | 12,59 | 29,95 | 25,2 | 2,6 | 14,7 | 49,0 | 0,0 |
| | SCS | 7.496 | 79.000 | 93.800 | 63.000 | -4,81 | -12,35 | -6,00 | 8,36 | 17,87 | 11,5 | 5,1 | 46,3 | 22,0 | 8,0 |
| | CII | 4.941 | 15.500 | 19.950 | 13.600 | -1,61 | -0,97 | -5,28 | -15,75 | 9,71 | #N/A | 0,8 | 5,8 | 5,8 | 34,2 |

Nguồn: Phòng phân tích Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam tổng hợp. Dữ liệu từ Bloomberg, cập nhật ngày 31/10/2024. Lưu ý: Các cổ phiếu được chọn được nắm giữ bởi các ETF; các mã được làm nổi bật là thành viên của VN30.

Phụ lục

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành.

Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.